

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

PHÁP DUYÊN SINH

TÁC GIẢ: SƯ THANH MINH
TRỤ TRÌ: CHÙA PHÚC MINH

Địa chỉ: Thôn La Nguyễn, xã Minh Quang,
huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

LỜI TỰA

Cuốn sách nhỏ này ghi chép lại những bài giảng tổng quan về Pháp Duyên Sinh, hay còn được gọi là Pháp Duyên Khởi **Paṭiccasamuppāda**, được sư Thanh Minh thuyết giảng ở chùa Phúc Minh. Pháp Duyên Khởi nói về mối liên hệ giữa 12 mắt xích: Vô minh, hành, thức, danh-sắc, sáu xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão-tử-sầu-bi-khổ-ưu-não trong việc đưa một chúng sinh đi tái sinh trong luân hồi.

Pháp Duyên Khởi chính là Tập Đế trong Tứ Thánh Đế, cũng là tầng tuệ thứ hai của thiền quán Vipassanā mà hành giả cần tuệ tri để chứng ngộ Niết Bàn. Pháp Duyên Khởi là một pháp thâm sâu mà để thực sự tuệ tri được pháp này, hành giả cần quán chiếu được sự vận hành của nghiệp lực, vô minh, tham ái,... và thấy được cách chúng liên hệ với nhau trong việc trói buộc, dẫn dắt hành giả đi tái sinh từ các kiếp sống quá khứ, hiện tại và cho đến các kiếp sống tương lai.

Và chỉ khi thực hành thành công tầng tuệ này, hành giả mới thật sự thấu suốt được sự vận hành của nghiệp bằng chính tuệ giác của mình.

“Này Ananda, chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp duyên khởi này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một tổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sinh tử.”

-Trích kinh Đại Duyên-

Chùa Phúc Minh,

2019

MỤC LỤC

1/ MỞ ĐẦU.....	4
DUYÊN SINH	8
1/ VÔ MINH DUYÊN HÀNH	8
2/ HÀNH DUYÊN THỨC.....	18
3/ THỨC DUYÊN DANH SẮC.....	32
4/ DANH SẮC DUYÊN LỤC NHẬP	53
5/ SÁU XỬ DUYÊN XÚC	61
6/ XÚC DUYÊN THỌ	82
7/ THỌ DUYÊN ÁI	88
8/ ÁI DUYÊN THỦ	99
9/ THỦ DUYÊN HỮU	108
10/ HỮU DUYÊN SINH	119
11/ SINH DUYÊN GIÀ – CHẾT – SẦU – BI – KHỔ – ƯU – NÃO	121
12/ SỰ TẬP KHỞI CỦA TOÀN BỘ KHỔ UẨN NÀY	123
DUYÊN DIỆT	131

MỞ ĐẦU

KỆ KHẢI HOÀN ANEKAJĀTI

“Anekajātiṣaṃsāraṃ, Sandhāvissaṃ anibbisaṃ;
Gahakāraṃ gavesanto, Dukkhā jāti
punappunaṃ. Gahakāraka diṭṭhosi, Puna
gehaṃ na kāhasi. Sabbā te phāsukā bhaggā,
Gahakūṭaṃ visaṅkhatāṃ. Visaṅkhāragataṃ
cittaṃ, Taṇhānaṃ khayamajjhagā.”

*“Luân hồi bao kiếp sống, tìm người làm nhà này;
Tìm mãi mà không gặp, tái sinh hoài khổ thay;
Nhà hồi người thợ kia, người bị nhận diện rồi;
Nhà xây sao được nữa, rường cột người bị gãy;
Rùi mè đã tiêu vong, tâm ta chúng vô vi, mọi tham ái
diệt tận.”*

Hỏi: Luân hồi là gì?

Đáp: Luân hồi là dòng sinh tử liên tục từ kiếp này sang kiếp khác. Mỗi chúng sinh sinh ra rồi lại phải chết đi. Khi chết cũng là thời điểm bắt đầu đi tái sinh sang một kiếp sống mới, cứ luân chuyển như vậy nên gọi là luân hồi.

Hỏi: Khi chết là đi tái sinh sang kiếp sống mới, vậy kiếp sống mới đó là ở đâu và cuộc sống sẽ như thế nào?

Đáp: Tùy thuộc vào những hành động thiện ác và trạng thái tâm thức cao thượng hay thấp kém của mỗi chúng sinh, sẽ sinh về các cõi sống cao thấp khác nhau:

Những chúng sinh thường làm những việc thiện lành như: Bố thí – cung kính – giữ giới – phục vụ – hành thiện, có chánh kiến... thì khi chết sẽ sinh vào các cõi lành như sinh lại làm người hoặc về các cõi trời Dục Giới.

- Những chúng sinh nào thường làm các việc ác như: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, có tà kiến thì khi chết phải tái sinh vào các cõi khổ như: Địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, Atula.

Người nào tu chứng đắc thiên định sắc giới thì sẽ sinh về các cõi Phạm Thiên Sắc Giới như:

- Phạm Chúng Thiên; • Thiếu Tịnh Thiên;
- Phạm Phụ Thiên; • Vô Lượng Tịnh Thiên;
- Đại Phạm Thiên; • Biến Tịnh Thiên;
- Thiếu Quang Thiên; • Quảng Quả Thiên;
- Vô Lượng Quang Thiên; • Vô Tướng Thiên;
- Quang Âm Thiên; • Ngũ Tịnh Cư Thiên.

Tu chứng thiên vô sắc thì sinh về cõi Vô Sắc Giới:

- Không Vô Biên Xứ Thiên;
- Thức Vô Biên Xứ Thiên;
- Vô Sở Hữu Xứ Thiên;
- Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên.

Có nhiều cõi để tái sinh như vậy. Nếu mình muốn sinh về cõi cao thượng thì phải tạo các thiện nghiệp cao thượng. Nếu mình tạo ác nghiệp hạ liệt thì phải sinh

vào các cõi khổ đau hạ liệt.

Hỏi: Tại sao trong kinh Đức Phật không đề cập đến sự khởi đầu của dòng luân hồi?

Đáp: Điều đó vượt khỏi sự suy luận và nghĩ bàn của tất cả chúng sinh nên Đức Phật không đề cập đến.

Hỏi: Trong 31 cõi, có cõi nào mà chúng ta chưa từng tái sinh đến không?

Đáp: Có. Đó là cõi Ngũ Tịnh Cư Thiên là chắc chắn ta chưa từng sinh đến vì chỉ có những bậc Thánh Bất Lai mới sinh về đó và cũng nhập Niết Bàn tại đó không còn sinh trở lại nhân gian. Còn lại tất cả các cõi khác ta đã từng sinh ra và chết đi vô số lần.

Hỏi: Nếu người nào muốn chấm dứt dòng tái sinh đó thì phải làm gì?

Đáp: Muốn chấm dứt tái sinh thì phải có trí tuệ để tìm ra những nguyên nhân nào khiến cho chúng sinh phải đi tái sinh. Khi đã hiểu được nguyên nhân rồi thì cũng dùng trí tuệ đó để đoạn trừ tận gốc rễ những nguyên nhân đã khiến chúng sinh phải đi tái sinh.

Hỏi: Đâu là nguyên nhân của dòng tái sinh luân hồi bất tận đó?

Đáp: Muốn biết nguyên nhân thì phải truy tìm một cách tuần tự như:

- Tại sao lại có già, bệnh, chết? Vì có tái sinh.
- Tại sao lại có sự tái sinh? Vì có nghiệp hữu.
- Tại sao lại có nghiệp hữu? Vì có chấp thủ.

- Tại sao lại có chấp thủ? Vì có tham ái.
- Tại sao lại có tham ái? Vì có cảm thọ.
- Tại sao lại có cảm thọ? Vì có sự tiếp xúc.
- Tại sao lại có tiếp xúc? Vì có sáu căn, sáu trần.
- Tại sao lại có căn, trần? Vì có danh, sắc.
- Tại sao lại có danh, sắc? Vì có thức.
- Tại sao lại có thức? Vì có hành tạo nghiệp.
- Tại sao lại có các hành tạo nghiệp? Vì có vô minh.
- Tại sao lại có vô minh? Vì hiểu sai sự thật.

“Do cái này có cái kia hiện hữu, do cái này sinh cái kia sinh, tức là duyên vô minh có các hành, duyên các hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sinh, duyên sinh có lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này”.

Hỏi: Tại sao cái này có thì cái kia có, cái này sinh thì cái kia cũng sinh?

Đáp: Cái này, cái kia là chỉ cho các pháp hữu vi. Các pháp hữu vi thì luôn có bản tính sinh lên và diệt đi. Các pháp hữu vi không thể nào tự sinh, tự diệt được mà nó phải có nhân, có duyên, có sự nương tựa, hỗ trợ cho nhau cùng sinh, cùng diệt. Vì vậy cho nên cái này có, cái kia hiện hữu, cái này sinh thì cái kia sinh.

DUYÊN SINH

1/ **VÔ MINH DUYÊN HÀNH** **AVIJJĀPACCAYĀ SAṄKHĀRĀ**

Do vô minh sinh nên hành sinh.

Vô minh là nhân, hành là quả.

Hỏi: Vô minh là gì? Hành là gì? Thế nào là vô minh duyên hành?

Đáp: Vô minh (Avijjā) là sự thấy biết sai với sự thật, hay là sự không hiểu biết đúng chân lý nên sinh ra các loại phiền não, tạo các ác nghiệp và phải chịu khổ đau.

Hỏi: Thế nào là sự thật? Thế nào là chân lý? Thế nào là thấy đúng sự thật? Thế nào là thấy sai sự thật?

Đáp: 1. Sự thật về cái thân này chỉ là sắc pháp và danh pháp. Nó sinh ra và diệt đi rồi lại sinh lên và diệt đi theo quy luật của 12 chi phần nhân duyên.

- Chân lý về sự khổ luôn hiện hữu trên danh sắc vì danh sắc luôn luôn sinh diệt;
- Chân lý về nhân sinh ra khổ chính là sự tham ái,

dính mắc với danh sắc: Bên trong – bên ngoài; Quá khứ – hiện tại – vị lai; Cao thượng – hạ liệt,...

- Chân lý về sự diệt tận của danh sắc hay giải thoát khỏi danh sắc khi tham ái được diệt trừ;

- Chân lý về con đường đưa đến sự diệt trừ tham ái với danh sắc là thực hành Bát Chánh Đạo.

3. Hiểu đúng sự thật là trí tuệ nhận biết được các pháp chân đế:

- **Sắc chân đế:** 28 sắc;

- **Danh chân đế:** 89 tâm vương và 52 tâm sở;

- **Tuệ tri nguồn gốc sinh ra sắc:**

- Do nghiệp
 - Do tâm
 - Do thời tiết
 - Do vật thực
- } Là nhân sinh ra sắc.

Khi nào tuệ tri được: *Nghiệp – tâm – thời tiết – vật thực có sinh lên thì cũng có diệt đi, sắc cũng sinh lên và diệt đi thì sẽ giác ngộ ra:*

- Sắc không phải là ta = vô thường;
- Sắc không phải của ta = khổ;
- Sắc không phải là tự ngã của ta = vô ngã.

Khi nào tuệ tri được sự vô thường – khổ – vô ngã trên sắc thì sẽ dứt bỏ được sự tham ái với sắc. Khi nào dứt bỏ được sự tham ái với sắc thì vị đó mới được tự tại, giải thoát khỏi sắc.

• **Tuệ tri nguồn gốc sinh ra danh:**

- Nghiệp
 - Căn
 - Cảnh
 - Thức
- } Là nhân sinh ra danh.

Khi nào tuệ tri nghiệp – căn (6 căn) – cảnh (6 trần) – thức (6 thức) có sinh lên thì có diệt đi, nên danh cũng sinh lên và diệt đi thì sẽ giác ngộ ra:

- Danh không phải là ta = vô thường;
- Danh không phải của ta = khổ;
- Danh không phải là tự ngã của ta = vô ngã.

Khi nào tuệ tri được sự vô thường – khổ – vô ngã của danh thì sẽ dứt bỏ được sự tham ái với danh. Khi nào dứt bỏ được sự tham ái với danh thì sẽ tự tại giải thoát khỏi danh.

4. Hiểu sai sự thật là người không có trí tuệ thấy biết được danh sắc chân đế, nên sống với sự tướng tri điên đảo về cái thân thể vật chất và cái tâm thức này:

- Vì chỉ thấy cái hình tướng bên ngoài, nên sinh sự so sánh đẹp xấu của ta, của người.
- Tướng có cái ta ở trong sắc nhưng thực sự sắc luôn biến đổi không ngừng vì nó vô thường.
- Tướng rằng sắc là của ta nhưng thực sự sắc luôn bị tan hoại vì sắc luôn chịu khổ.
- Tướng rằng sắc có hình tướng, có tự thể nhưng thực sự sắc chỉ là giả tướng không có tự thể vì sắc là vô ngã;

- Tưởng rằng sắc đáng yêu, đáng để nương tựa, đáng để giữ gìn nhưng thực sự sắc đáng để nhàm chán, đáng để kinh sợ, đáng để giải thoát.

- Tưởng rằng danh (tâm) là một linh hồn nhưng thực sự nó chỉ là sự diễn tiến của tâm thức.

- Tưởng rằng hưởng thụ ngũ dục (sắc – thanh – hương – vị – xúc) là vui vẻ, thích thú nhưng thực sự trong ngũ dục luôn tiềm ẩn sự khổ đau, nguy hại, khiến cho tâm thức trở nên mê mờ, hạ liệt.

- Tưởng rằng những điều an vui, hạnh phúc của mình là do sự may mắn hay có sự giúp đỡ của những đấng bề trên, nhưng thực sự đó là kết quả của các nghiệp thiện mình đã làm trong quá khứ.

- Tưởng rằng những điều khổ đau-bất hạnh của mình là do kém may mắn hoặc do không biết phụng thờ các đấng bề trên, nhưng thực sự đó chỉ là kết quả của nghiệp bất thiện mà mình đã làm trong quá khứ.

Vì không biết, không thấy hoặc sự thấy biết sai với chân lý, sai với sự thật nên gọi là vô minh hoặc là ngu si, mê muội.

Hỏi: Vô minh có đồng nghĩa với tà kiến không?

Đáp: Tà kiến là sự thấy biết sai với sự thật và có sự chấp trước vào cái tri kiến sai đó mà cho nó là đúng. Ví dụ:

- Cho là không có kết quả của nghiệp thiện – nghiệp ác;

- Cho là không có sự tái sinh, không có những chúng sinh hóa sinh;

- Hoặc cho là vạn vật trên thế gian là do đấng tạo hóa an bài...

Vô minh là sự ngu si, không phân biệt đâu là đúng, đâu là sai, đâu là tốt, đâu là xấu, đâu là chánh, đâu là tà.

- Khi thì nó đi với tham tà kiến;
- Khi thì nó đi với tham ngã mạn;
- Khi thì nó đi với các tâm sân;
- Khi thì nó đi với các tâm si.

Nói chung là vô minh luôn đi kèm với 12 tâm bất thiện dục giới: 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si.

Hỏi: Tại sao trong tâm tham lại có vô minh?

Đáp: Vô minh = Si. Vì không thấy đúng sự thật sinh ra cái lầm tưởng:

- Cái vô thường tưởng là thường;
- Cái khổ tưởng là lạc;
- Cái giả tưởng là thật;
- Cái bất tịnh tưởng là tịnh.

Vì vậy mà sinh ra tham ái, ngã mạn. Nguyên nhân cũng từ sự ngu si mà ra.

Hỏi: Tại sao trong sân hận lại có vô minh?

Đáp: Vì sân hận sinh ra từ tham ái.

- Vì tham ái bản thân nên ai xúc phạm đến bản thân thì sinh ra sân hận;
- Vì tham ái với những người thân nên ai xúc phạm đến những người thân liền sinh ra sân hận;
- Vì tham ái với tài sản nên ai đụng chạm đến tài

sản liền sinh ra sân hận;

- Vì tham ái sinh ra từ vô minh, ngu si, lầm tưởng nên vô minh cũng là gốc rễ của sân hận.

Hỏi: Vô minh thể hiện trong tâm si như thế nào?

Đáp: Si hoài nghi: Vì không thấy sự thật, nên khi tiếp xúc với sự thật, vị đó cũng không có niềm tin, mà hoài nghi do dự. Vì vậy, hoài nghi = không thấy sự thật = ngu si = vô minh.

Si phóng dật: Là cái tâm lảng xảng không an định. Vì khi gặp cảnh tốt, nó cũng không biết đó là tốt, khi gặp cảnh xấu, nó cũng không biết là xấu, nên nó cứ lảng xảng tìm kiếm chỗ này, chỗ kia không lúc nào an phận. Không phân biệt được tốt xấu nên mới lảng xảng, tán loạn, cũng đồng nghĩa với sự dốt nát, ngu si = vô minh. Vì vậy, từ vô minh mà sinh ra phóng dật.

Hỏi: Thế nào là hành?

Đáp: Hành (Sankhārā) cũng có nghĩa là tư (cetanā) hay nghiệp (kamma), là những hành động tạo nghiệp ở nơi thân – khẩu – ý.

- Những hành động đó nếu là bất thiện thì sẽ cho quả khổ đau;

- Nếu là hành động thiện thì sẽ cho quả an vui;
- Nếu là hành động duy tác thì không để lại quả.

Hỏi: Có bao nhiêu hành bất thiện?

Đáp: Có 12 tư (cetanā) hiện diện trong 12 tâm bất thiện (akusala citta):

- 8 tâm tham;
- 2 tâm sân;
- 2 tâm si.

Chúng hỗ trợ cho tâm quả bất thiện và sắc nghiệp sinh trong những cõi khổ.

Hỏi: Có bao nhiêu hành thiện?

Đáp: Có 17 cetanā hiện diện trong 17 tâm thiện hiệp thế:

- Có 8 cetanā hiện diện trong 8 tâm thiện dục giới;
- Có 5 cetanā hiện diện trong 5 tâm thiện sắc giới;
- Có 4 cetanā hiện diện trong 4 tâm thiện vô sắc giới.

Hỏi: Thế nào là vô minh duyên hành?

Đáp: Do vô minh sinh nên hành sinh (Avijjāpaccayā saṅkhārā). Vô minh là nhân, hành là quả. Do không giác ngộ sự thật nên tâm bị mê muội, khiến cho chúng sinh tham ái với cảnh trần rồi sinh ra các hành động tạo nghiệp khác nhau. Những nghiệp đó sẽ để lại quả báo ở đời này hoặc nhiều đời kiếp về sau.

Ví dụ: Do không biết sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu là có tội nên chúng sinh ưa thích làm những việc đó.

- Vô minh: Không biết là có tội;
- Hành: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu.

Đó là do vô minh sinh nên hành sinh. *Vô minh là nhân, hành là quả.*

Hỏi: Vậy những hành động thiện có bắt nguồn từ vô minh không?

Đáp: Những hành động thiện như: Bồi thí, giữ giới, cung kính, phục vụ, nghe pháp, hành thiền, tùy hỷ và chia phước... sinh lên từ vô minh trong trường hợp tham ái-chấp thủ vào những hành động đó:

Ví dụ: Khi ta làm các thiện nghiệp này sẽ được mọi người yêu quý, kính nể.

- Vô minh: Không hiểu rằng vốn chẳng có cái ta (chỉ có danh và sắc) thì làm gì có cái yêu quý, kính nể.

- Hành: Làm việc thiện vì mục đích được yêu quý.

Ví dụ: Ta làm các thiện nghiệp để được phúc lạc ở cõi người hoặc các cõi trời Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới.

- Vô minh: Không hiểu cõi trời là không thật sự hiện hữu, không có thật;

- Hành: Tạo các thiện nghiệp với mong muốn được hưởng phước.

Đó là do vô minh sinh nên hành sinh. *Vô minh là nhân, hành là quả.*

Hỏi: Một người làm việc thiện giúp đỡ mọi người mà không mong cầu báo đáp gì thì có phải vô minh duyên hành không?

Đáp: Nếu còn là phàm nhân thì vẫn có vô minh cho rằng ta giúp đỡ người này vì: *đó là người thân của ta; hoặc đó là những chúng sinh đáng thương.*

- Vô minh: Là cái ảo tưởng cho rằng có người thân của ta hoặc những chúng sinh đó có thật;

- Hành: Hành động giúp đỡ vì họ là người thân hoặc chúng sinh.

Còn tham ái với bất cứ điều gì thì hành động ấy vẫn là vô minh duyên hành.

Hỏi: Những người đang cố gắng tạo các thiện nghiệp như bố thí, giữ giới, nghe pháp, hành thiền... với ước muốn chứng ngộ Niết Bàn thì những hành đó có duyên với vô minh không?

Đáp: Phát nguyện chứng ngộ Niết Bàn khi làm thiện nghiệp thì đó là tâm thiện hợp với trí tuệ. Thiện nghiệp đó chưa đủ dứt được vô minh nhưng nó sẽ trợ duyên cho sự chứng ngộ Niết Bàn ở tương lai.

Ví dụ: Một người làm việc thiện cúng dàng Tam Bảo và phát nguyện: “*Câu mong cho con đời nào sinh ra cũng làm người đi xuất gia và chứng đắc Niết Bàn*”.

- Thiện nghiệp cúng dàng là hành;
- Câu mong trở lại làm người xuất gia là vô minh vì cho rằng có người thật.

→ *Vô minh duyên hành.*

- Câu mong chứng ngộ Niết Bàn là trí tuệ, nhưng vì trí tuệ còn yếu chưa diệt được vô minh nên chưa chứng được Niết Bàn.

Vì vậy: Phải làm người tu tập thêm cho trí tuệ mạnh lên thì mới dứt được vô minh và chứng được Niết Bàn. Hành động thiện sẽ hỗ trợ cho ước nguyện chứng Niết Bàn đó.

Hỏi: Hành như thế nào thì không có duyên với vô minh?

Đáp: Chỉ có bậc A La Hán với trí tuệ như thật tri kiến thì hành mới không duyên với vô minh. Hành của các vị là hành duy tác.

Hỏi: Quán vô minh duyên hành để làm gì?

Đáp: Để không tham ái với các hành.

Ví dụ: Một người có tài năng làm được những việc khó mà nhiều người không làm được và người đó thích thú với năng lực của mình thì đó là sự tham ái với các hành (sự tạo tác).

- Tham ái lớn thì chấp thủ lớn;
- Chấp thủ lớn thì tái sinh nhiều;
- Tái sinh nhiều thì khổ cũng nhiều...

Trái lại, người có trí tuệ quán *vô minh sinh thì hành sinh* thì không tham ái với các hành.

- Không tham ái thì không chấp thủ;
- Không chấp thủ thì hết tái sinh;
- Không tái sinh thì hết khổ.

Một người làm được nhiều thiện nghiệp rồi sinh tâm thỏa mãn, thích thú với những thiện nghiệp đó, là tham ái với các hành, thì hành đó sẽ để lại nghiệp lực thôi thúc đi tái sinh.

Như vậy, những hành nào đi kèm với vô minh thì sẽ để lại nghiệp lực đi trong luân hồi sinh tử. Những hành nào đi kèm với trí tuệ thì sẽ trợ duyên cho sự chứng ngộ Niết Bàn, giải thoát luân hồi sinh tử.

2/ HÀNH DUYÊN THỨC

SAṄKHĀRĀPACCAYĀ VIÑÑĀṄAM

Do hành sinh nên thức sinh.
Hành là nhân, thức là quả.

Hành saṅkhārā là những hành động được tạo ra bởi tâm sở tư cetanā (cố ý tạo nghiệp).

- Tư cetanā sinh với 12 tâm bất thiện thì sẽ tạo ra ác nghiệp;
- Tư cetanā sinh với 8 tâm thiện dục giới thì sẽ tạo ra thiện nghiệp dục giới;
- Tư cetanā sinh với 5 tâm thiên sắc giới thì sẽ tạo ra thiện nghiệp sắc giới;
- Tư cetanā sinh với 4 tâm thiên vô sắc giới thì sẽ tạo ra thiện nghiệp vô sắc giới.

Những hành bất thiện sẽ là nhân sinh ra các tâm thức hạ liệt, sầu khổ. Những hành thiện sẽ là nhân sinh ra các tâm thức cao thượng, an vui.

Thức viññāṇam là tâm thức, là quả của các hành động

tạo nghiệp trong quá khứ nên còn gọi là tâm quả.

1. Tâm quả đầu tiên được gọi là *tâm tục sinh* (*paṭisandhi*). Nó chỉ sinh lên trong sát-na đầu tiên trong kiếp sống mới khi đi tái sinh.

- Nếu là quả của hành bất thiện thì sẽ tái sinh về 4 cõi khổ: Địa ngục – ngã quỷ – súc sinh – A tu la.

Vì hành saṅkhārā bất thiện sinh nên thúc tục sinh vào cõi khổ sinh. Hành saṅkhārā bất thiện là nhân, thúc tục sinh vào cõi khổ là quả.

- Nếu hành saṅkhārā là các thiện nghiệp dục giới như bố thí, giữ giới, cung kính, phục vụ, ... thì tâm quả tục sinh sẽ sinh làm người hoặc chư Thiên Dục Giới.

Vì hành saṅkhārā thiện dục giới sinh nên thúc tục sinh tái sinh cõi chư Thiên và nhân loại sinh. Hành saṅkhārā thiện dục giới là nhân, thúc tục sinh vào cõi chư Thiên và nhân loại là quả.

- Nếu saṅkhārā là tâm thiện sắc giới của người đã tu chứng từ sơ thiên đến tứ thiên hoặc ngũ thiên thì thúc tục sinh sẽ tái sinh về 16 cõi Phạm Thiên Sắc Giới.

Vì saṅkhārā thiện sắc giới sinh nên thúc tục sinh về cõi Phạm Thiên Sắc Giới sinh. Saṅkhārā thiện sắc giới là nhân, thúc tục sinh về cõi Phạm Thiên Sắc Giới là quả.

- Nếu saṅkhārā là tâm thiện vô sắc giới của người đã tu chứng từ không vô biên xứ đến phi tưởng phi phi tưởng xứ thì thúc tục sinh sẽ tái sinh về 4 cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

Vì saṅkhārā thiện vô sắc giới sinh nên thúc tục sinh về cõi

Phạm Thiên Vô Sắc Giới sinh, saṅkhārā thiên vô sắc giới là nhân, thức tục sinh về cõi Phạm Thiên Vô Sắc là quả.

Sau khi tái sinh, các hành vẫn tiếp tục cho quả.

2. Bởi sự sinh của hành saṅkhārā, tâm hữu phần bhavaṅga sinh. *Hành saṅkhārā là nhân, tâm hữu phần bhavaṅga là quả.*

3. Bởi sự sinh của hành tâm tử cuti sinh. *Hành saṅkhārā là nhân, tâm tử cuti là quả.*

4. Bởi sự sinh của hành saṅkhārā, nhãn thức sinh. *Hành saṅkhārā là nhân; nhãn thức tiếp thân, suy xét là quả,...*

Tương tự với nhĩ thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, ý thức.

Hỏi: 32 tâm quả hiệp thể là gì?

Đáp:

■ ***Người tạo những hành saṅkhārā bất thiện sẽ sinh ra 7 tâm quả sau:***

1. Nhãn thức thọ xả: Thấy những cảnh xấu, không ưa thích;

2. Nhĩ thức thọ xả: Nghe những âm thanh khó chịu, không ưa thích;

3. Tỉ thức thọ xả: Ngửi những mùi hôi khó chịu, không ưa thích;

4. Thiệt thức thọ xả: Nếm những vị khó chịu, không ưa thích;

5. Thân thức thọ xả: Đụng chạm những vật khó chịu,

không ưa thích;

6. Tiếp nhận thọ xả: Tiếp nhận những cảnh khó chịu, không ưa thích;

7. Suy xét thọ xả: Suy xét những cảnh khó chịu, không ưa thích.

Do hành saṅkhārā bất thiện sinh nên 7 tâm thức luôn phải thấy cảnh khó chịu, không ưa thích sinh. Hành saṅkhārā bất thiện là nhân, 7 tâm thức phải thấy cảnh khó chịu không ưa thích là quả.

■ **Người tạo những hành saṅkhārā thiện sẽ sinh ra 8 tâm quả sau:**

1. Nhãn thức thọ xả: Thấy cảnh đẹp đáng ưa thích;

2. Nhĩ thức thọ xả: Nghe âm thanh dễ chịu;

3. Tỉ thức thọ xả: Ngửi mùi thơm dễ chịu;

4. Thiệt thức thọ xả: Nếm vị ngon dễ chịu;

5. Thân thức thọ xả: Đụng chạm vật dễ chịu;

6. Tiếp nhận thọ xả: Tiếp nhận cảnh dễ chịu;

7. Suy xét thọ xả: Suy xét những cảnh dễ chịu;

8. Suy xét thọ hỉ: Suy xét những cảnh đáng ưa thích.

Do hành saṅkhārā thiện sinh nên 8 tâm thức thường thấy cảnh thích thú dễ chịu sinh. Hành saṅkhārā thiện là nhân, 8 tâm thức thường thấy cảnh thích thú dễ chịu là quả.

■ **Người tạo những hành saṅkhārā thiện dục giới sẽ sinh ra 8 tâm đại quả dục giới:**

1. Tâm thọ hỉ có trí vô trợ: Hoan hỉ làm việc thiện đi kèm trí tuệ không cần hỗ trợ;

2. Tâm thọ hỉ có trí hữu trợ: Hoan hỉ làm việc thiện đi kèm trí tuệ cần hỗ trợ;
3. Tâm thọ hỉ ly trí vô trợ: Hoan hỉ làm việc thiện nhưng không đi kèm trí tuệ không cần hỗ trợ;
4. Tâm thọ hỉ ly trí hữu trợ: Hoan hỉ làm việc thiện nhưng không đi kèm trí tuệ cần hỗ trợ;
5. Tâm thọ xả ly trí vô trợ: Thản nhiên làm việc thiện không đi kèm trí tuệ không cần hỗ trợ;
6. Tâm thọ xả ly trí hữu trợ: Thản nhiên làm việc thiện không đi kèm trí tuệ cần hỗ trợ;
7. Tâm thọ xả có trí vô trợ: Thản nhiên làm việc thiện đi kèm trí tuệ không cần hỗ trợ;
8. Tâm thọ xả có trí hữu trợ: Thản nhiên làm việc thiện đi kèm với trí tuệ cần sự hỗ trợ.

Do saṅkhārā thiện dục giới sinh nên 8 tâm thức đại quả dục giới sinh. Saṅkhārā thiện dục giới là nhân, 8 tâm đại quả dục giới là quả.

▪ ***Người tạo saṅkhārā thiện tu chứng 5 tầng thiên sắc giới sẽ sinh ra 5 tâm quả sắc giới:***

1. Tâm quả sơ thiên và nhị thiên, sinh ở cõi:
 - Phạm Chúng Thiên;
 - Phạm Phụ Thiên;
 - Đại Phạm Thiên
2. Tâm quả tam thiên, sinh ở cõi:
 - Thiếu Quang Thiên;
 - Vô Lượng Quang Thiên;

- Quang Âm Thiên;
- 3. Tâm quả tứ thiền, sinh ở cõi:
 - Thiếu Tịch Thiên;
 - Vô Lượng Tịch Thiên;
 - Biến Tịch Thiên.
- 4. Tâm quả ngũ thiền, sinh ở cõi:
 - Quảng Quả Thiên;
 - Vô Tướng Thiên;
 - Ngũ Tịch Cư Thiên:
 - Vô Phiền Thiên;
 - Vô Nhiệt Thiên;
 - Thiện Hiện Thiên;
 - Thiện Kiến Thiên;
 - Sắc Cứu Cánh Thiên.

Do tu chứng 5 bậc thiền sắc giới sinh nên 5 tâm quả sắc giới sinh. Saṅkhārā 5 bậc thiền sắc giới là nhân, 5 tâm quả sắc giới là quả.

▪ **Người tạo saṅkhārā thiện tu chứng bốn tầng thiền vô sắc giới sẽ tạo ra 4 tâm quả vô sắc giới:**

1. Hư không vô biên xứ: Sinh ở cõi Không Vô Biên;
2. Thức vô biên xứ: Sinh ở cõi Thức Vô Biên;
3. Vô sở hữu xứ: Sinh ở cõi Vô Sở Hữu;
4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ: Sinh ở cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng.

Do saṅkhārā thiện vô sắc giới sinh nên 4 tâm quả vô sắc sinh. Saṅkhārā thiện vô sắc là nhân, 4 tâm quả vô sắc là quả.

Như vậy:

Có 7 tâm quả bất thiện vô nhân;

Có 8 tâm quả thiện vô nhân;

Có 8 tâm đại quả;

Có 5 tâm quả sắc giới;

Có 4 tâm quả vô sắc.

Tổng Cộng: 32 tâm quả hiệp thể được sinh lên do hành nghiệp quá khứ đã tạo.

Hỏi: Có bao nhiêu hành bất thiện trợ duyên cho thức tục sinh?

Đáp: Có 11 hành bất thiện:

- 8 tham;
- 2 sân;
- 1 si hoài nghi (ngoại trừ si phóng dật);

trợ duyên cho tâm thức thọ xả quả bất thiện vô nhân đưa chúng sinh tái sinh vào cõi khổ.

Hỏi: Có bao nhiêu hành thiện trợ duyên cho thức tục sinh vào cõi lành?

Đáp: Có 18 tâm trợ duyên cho thức tục sinh tái sinh vào các cõi lành, bao gồm:

- 17 tâm thiện trợ duyên cho thức tục sinh:
 - 8 đại thiện dục giới;
 - 5 sắc giới;
 - 4 vô sắc giới.
- 1 tâm suy xét thọ xả quả thiện vô nhân.

Tổng cộng có 19 tâm hành làm phận sự tái tục:

- 1 tâm quan sát thọ xả quả bất thiện;
- 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện;
- 8 tâm đại thiện dục giới;
- 5 tâm thiên sắc giới;
- 4 tâm thiên vô sắc giới.

19 tâm đều có thể làm nhân trợ duyên cho thức tục sinh tái sinh sang một kiếp sống mới. Khi tái sinh rồi 12 tâm hành bất thiện và 17 tâm hành thiện lại tiếp tục trợ duyên để sinh ra các tâm quả thiện và tâm quả bất thiện.

Hỏi: Thời gian từ khi hành động tạo nghiệp đến khi thọ quả báo là bao lâu?

Đáp: Hành saṅkhārā có thể cho quả ở cả hiện tại và tương lai. Ví dụ: Một người tạo nghiệp thiện bố thí.

- Hiện tại tâm luôn vui vẻ vì được nhiều người yêu quý: Là quả của tốc hành tâm thứ nhất.

- Kiếp sau sinh ra tâm muốn gì về vật chất cũng được như ý: Là quả của tốc hành tâm thứ bảy.

- Nhiều kiếp sau vẫn được gặp những cảnh ưa thích hài lòng: Là quả của tốc hành tâm thứ hai đến thứ sáu.

Như vậy hành có thể làm duyên cho thức sinh khởi ở cả hiện tại, ở tương lai gần và tương lai xa.

Hỏi: Tâm quả siêu thế do hành saṅkhārā nào sinh ra?

Đáp: Tâm quả siêu thế do hành đạo siêu thế sinh ra. Vì

hành đạo magga siêu thế sinh nên thức quả siêu thế sinh. Hành đạo magga siêu thế là nhân, thức siêu thế là quả.

Bởi sự sinh của hành sơ đạo: *Sơ thiền – nhị thiền – tam thiền – tứ thiền – ngũ thiền* nên tâm sơ quả *sơ thiền – nhị thiền – tam thiền – tứ thiền – ngũ thiền* sinh.

Sơ đạo là nhân, sơ quả là quả. Cũng như vậy với nhị đạo – nhị quả, tam đạo – tam quả, tứ đạo – tứ quả.

Hỏi: Súc sinh cũng có tâm thức nhưng tại sao nó lại ngu si ám độn?

Đáp: Do hành saṅkhārā bất thiện hỗ trợ cho thức tục sinh thọ xả quả bất thiện tái sinh làm súc sinh. Vì tâm tục sinh thọ xả quả bất thiện quá yếu nên căn tính của súc sinh mới ngu si ám độn.

Hỏi: Tại sao có người căn tính lanh lợi? Có người căn tính ám độn? Có người không lanh lợi cũng không ám độn?

Đáp: Do hành saṅkhārā thiện tâm hợp trí tuệ trợ duyên cho thức tục sinh tái sinh làm người có đủ 3 nhân: Vô tham – vô sân – vô si nên người đó thường có căn tính lanh lợi, trí tuệ sắc bén. *Hành saṅkhārā thiện tâm hợp trí tuệ là nhân, thức tục sinh có ba nhân vô tham – vô sân – vô si và người có căn tính lanh lợi là quả.*

Do hành saṅkhārā thiện tâm nhưng không kết hợp với trí tuệ trợ duyên cho thức tục sinh tái sinh làm người có 2 nhân *vô tham – vô sân* nên người đó có căn tính trung bình, không lanh lợi, cũng không ám độn.

Hành saṅkhārā thiện tâm không kết hợp với trí tuệ là nhân, thức tục sinh có hai nhân vô tham - vô sân và người có căn tính trung bình không lanh lợi, không ám độn là quả.

Do hành saṅkhārā thiện tâm yếu ớt, hời hợt, không kèm trí tuệ trợ duyên cho thức tục sinh bằng tâm suy xét thọ xả quả thiện vô nhân tái sinh làm người vô nhân. Vì tâm vô nhân yếu ớt nên căn tính của người vô nhân thường ám độn, ngu dốt. *Hành saṅkhārā thiện tâm yếu ớt, hời hợt không có trí tuệ là nhân, thức tục sinh vô nhân và người căn tính ám độn là quả.*

Hỏi: Hành như thế nào là có trí tuệ? Hành như thế nào là không có trí tuệ?

Đáp: Khi mình làm việc thiện mà mình biết rõ rằng đây là việc thiện sẽ có quả báo thiện thì hành saṅkhārā đó sẽ là thiện tâm hợp trí tuệ.

Khi mình làm việc thiện nhưng mình không biết đó là việc thiện cũng không biết sẽ có quả báo ở tương lai thì saṅkhārā đó sẽ là thiện tâm không có trí tuệ.

Khi mình làm việc thiện nhưng làm với tâm hời hợt, yếu ớt không toàn tâm toàn ý thì saṅkhārā đó sẽ là thiện tâm yếu ớt không hợp trí tuệ.

Hỏi: Do hành gì trợ duyên sinh ra người có tánh tham nổi trội?

Đáp: Do hành saṅkhārā đi kèm với vô tham yếu, vô sân - vô si mạnh hỗ trợ cho thức tục sinh nên sinh ra làm người có tánh tham nổi trội.

Hỏi: Người tánh tham thường có biểu hiện như thế nào?

Đáp:

- Ham vui;
- Sợ khổ;
- Thích hưởng thụ;

là biểu hiện của người có tánh tham.

Hỏi: Do hành gì trợ duyên sinh ra người có tánh sân nổi trội?

Đáp: Do hành saṅkhārā vô tham - vô si mạnh, vô sân yếu trợ duyên cho thức tục sinh sinh làm người có tánh sân nổi trội.

Hỏi: Người tánh sân thường có biểu hiện như thế nào?

Đáp:

- Nhãn nhỏ;
- Chê bai;
- Khó tính khó nết.

là biểu hiện của người có tánh sân.

Hỏi: Do hành gì trợ duyên sinh ra người có tánh si nổi trội?

Đáp: Do hành saṅkhārā vô tham - vô sân mạnh, vô si yếu hoặc không đi kèm với trí tuệ trợ duyên cho thức tục sinh sinh ra làm người có tánh si nổi trội.

Hỏi: Biểu hiện của người có tánh si như thế nào?

Đáp:

- Vụng về;
- Ngơ ngác;
- Không có lập trường.

là biểu hiện của người có tánh si.

Hỏi: Do hành gì trợ duyên khiến cho một người có tánh đức tin nổi trội?

Đáp: Do hành thiện đi kèm với niềm tin mạnh, trí tuệ yếu trợ duyên khiến cho một người có tánh đức tin nổi trội.

Hỏi: Biểu hiện của người tánh đức tin như thế nào?

Đáp:

- Nhẹ dạ;
- Cả tin;
- Hay bị lừa.

là biểu hiện của người có tánh đức tin.

Hỏi: Do hành gì trợ duyên khiến cho một người có tánh phân tích nổi trội?

Đáp: Do hành thiện đi kèm với trí tuệ mạnh, niềm tin yếu trợ duyên khiến cho một người có tánh phân tích nổi trội.

Hỏi: Biểu hiện của người có tánh phân tích như thế nào?

Đáp:

- Lý trí;
- Săm soi;

- Tìm tòi sự thật.

là biểu hiện của người có tánh phân tích.

Hỏi: Do hành gì trợ duyên khiến cho một người có tánh tư duy nổi trội?

Đáp: Do hành thiện có *tâm* mạnh, *định* yếu (tâm dao động hay hướng đến chuyện này, chuyện khác...) trợ duyên khiến cho một người có tánh tư duy nổi trội. Tánh tư duy thường suy nghĩ liên miên không ngừng nghỉ.

Hỏi: Biểu hiện của người có tánh tư duy như thế nào?

Đáp:

- Mơ hồ;
- Ảo tưởng;
- Tính cách thất thường.

là biểu hiện của người có tánh tư duy.

Hỏi: Do hành gì trợ duyên khiến cho một người lúc còn trẻ thì hiền lành, lương thiện nhưng khi lớn lên thì hung dữ, bất thiện? Ngược lại có người lúc còn trẻ thì hung dữ, bất thiện nhưng khi lớn lên thì hiền lành, lương thiện?

Đáp: Do hành nghiệp trong quá khứ vô sân mạnh hỗ trợ thức tục sinh sinh ra vốn là người lành, nhưng khi lớn lên lại thân cận với những người bất thiện và tạo tác nghiệp bất thiện nên dần dần trở thành người hung dữ, bất thiện.

Ngược lại do hành nghiệp trong quá khứ vô sân yếu hỗ trợ thức tục sinh sinh ra vốn là người hung dữ, nhưng khi lớn lên lại thân cận với những người hiền lành, lương thiện tạo tác nghiệp thiện nên dần dần trở thành người hiền thiện.

Hỏi: Do hành gì trợ duyên khiến cho một người lúc còn trẻ thì ám độn nhưng khi lớn lên lại lanh lợi? Ngược lại có người lúc còn trẻ thì lanh lợi nhưng khi lớn lên lại ám độn?

Đáp: Do hành nghiệp trong quá khứ vô si yếu trợ duyên cho thức tục sinh sinh ra hơi ám độn, nhưng khi lớn lên được thân cận học tập với những bậc có trí tuệ, siêng năng phát triển trí tuệ nên lâu ngày trở thành người có trí tuệ.

Do hành nghiệp trong quá khứ có trí tuệ mạnh trợ duyên cho thức tục sinh sinh ra làm người từ nhỏ đã lanh lợi, nhưng khi lớn lên lại thân cận với những người ám độn, không siêng năng phát triển trí tuệ nên càng ngày càng trở lên u mê, ám độn.

3/ THỨC DUYÊN DANH SẮC

VIÑÑĀNAPACCAYĀ NĀMARŪPAṀ

Do thức sinh nên danh sắc sinh.
Thức là nhân, danh sắc là quả.

Có 2 loại thức:

1. Thức nghiệp ở trong kiếp quá khứ;
2. Thức quả ở hiện tại.

Thức nghiệp là nhân sinh ra thức quả và sắc do nghiệp sinh. Thức quả là nhân sinh ra các tâm sở và sắc do tâm sinh.

Hỏi: Thức nghiệp là gì? Thức quả là gì?

Đáp: Thức nghiệp là những hành động tạo nghiệp ở trong quá khứ.

- Khi tâm sở tư cetanā đi kèm với 12 tâm bất thiện thì sẽ tạo ra bất thiện nghiệp.
- Khi tâm sở tư cetanā đi kèm với 8 tâm đại thiện dục giới thì sẽ tạo ra dục giới đại thiện nghiệp.
- Khi tâm sở tư cetanā đi kèm với 5 tâm thiên sắc

giới thì sẽ tạo ra thiện nghiệp sắc giới.

- Khi tâm sở tư cetanā đi kèm với 4 tâm thiện vô sắc giới thì sẽ tạo ra thiện nghiệp vô sắc giới.

Như vậy: $12 + 8 + 5 + 4 = 29$ thức nghiệp.

Thức quả là quả của thức nghiệp gồm có 32 thức:

- ***Nghiệp bất thiện sẽ sinh ra 7 loại thức quả:***

1. Nhãn thức;
2. Nhĩ thức;
3. Tỷ thức;
4. Thiệt thức;
5. Thân thức;
6. Tiếp nhận;
7. Suy xét thọ xả.

- ***Nghiệp thiện sẽ sinh ra 8 loại thức quả:***

1. Nhãn thức;
2. Nhĩ thức;
3. Tỷ thức;
4. Thiệt thức;
5. Thân thức;
6. Tiếp nhận;
7. Suy xét thọ xả;
8. Suy xét thọ hỉ.

- ***Nghiệp thiện dục giới sẽ sinh ra 8 tâm đại quả dục giới:***

1. Tâm thọ hỉ có trí vô trợ;
2. Tâm thọ hỉ có trí hữu trợ;

3. Tâm thọ hỉ ly trí vô trợ;
4. Tâm thọ hỉ ly trí hữu trợ ;
5. Tâm thọ xả ly trí vô trợ;
6. Tâm thọ xả ly trí hữu trợ;
7. Tâm thọ xả có trí vô trợ;
8. Tâm thọ xả có trí hữu trợ.

▪ ***Nghiệp thiện sắc giới sinh ra 5 tâm quả sắc giới:***

1. Sơ thiền;
2. Nhị thiền;
3. Tam thiền;
4. Tứ thiền;
5. Ngũ thiền.

▪ ***Nghiệp thiện vô sắc giới sinh ra 4 tâm quả vô sắc:***

1. Không vô biên xứ;
2. Thức vô biên xứ;
3. Vô sở hữu xứ;
4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tổng cộng: $7 + 8 + 8 + 5 + 4 = 32$ tâm quả.

Danh là tâm và các tâm sở sinh khởi ở các căn môn được gọi là lộ ngũ môn và lộ ý môn:

- Tâm đầu tiên của kiếp sống được gọi là tâm tục sinh *paṭisandhi*;
- Tâm trung gian duy trì, bảo hộ dòng tương tục của tâm là tâm hữu phần *bhavaṅga*;
- Tâm cuối cùng của một kiếp sống gọi là *tâm tử cuti*.

Lộ ngũ môn trên con mắt gồm có:

1. Ngũ môn hướng tâm:

- 1 thức;
- 10 tâm sở: Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý, tâm, tứ, thắng giải.

2. Nhãn thức:

- 1 thức;
- 7 tâm sở: Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

3. Tiếp nhận:

- 1 thức;
- 10 tâm sở: Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý, tâm, tứ, thắng giải.

4. Suy xét:

- 1 thức;
- 10 tâm sở: Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý, tâm, tứ, thắng giải.

5. Suy xét thọ hi:

- 1 thức;
- 11 tâm sở: Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý, tâm, tứ, thắng giải, hỷ.

6. Xác định:

- 1 thức;
- 11 tâm sở: Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý, tâm, tứ, thắng giải, cần.

7. Bảy chặp javana thiện, mỗi chặp có 34 danh pháp:

- 1 thức;
- 33 tâm sở:
 - 7 sở hữu biến hành: Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý;
 - 6 sở hữu biệt cảnh: Tầm, tứ, thắng giải, cần, hỉ, dục;
 - 19 tâm sở tịnh hảo biến hành: Tín, niệm, tà, quý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm.
 - 1 sở hữu trí tuệ: Tuệ quyền.

8. Javana bất thiện:

- **Javana tâm tham: Bao gồm tâm tham tà kiến và tâm tham ngã mạn.**

THAM TÀ KIẾN	THAM NGÃ MẠN
1 thức	1 thức
7 biến hành	7 biến hành
6 biệt cảnh	6 biệt cảnh
4 si phần	4 si phần
1 tham	1 tham
2 hôn phần	2 hôn phần
1 tà kiến	1 ngã mạn
TỔNG: 22 DANH PHÁP	TỔNG: 22 DANH PHÁP

Chú thích:

- **7 sở hữu biến hành:** Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý;
- **6 sở hữu biệt cảnh:** Tâm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục;
- **4 sở hữu si:** Si, vô tâm, vô quý, phóng dật;
- **2 sở hữu hôn phần:** Hôn trầm, thụy miên.

▪ *Javana tâm sân, sân tậ, sân lậ, sân hối:*

TÂM SÂN	SÂN TẬ	SÂN LẬ	SÂN HỐI
<i>1 thức</i>	<i>1 thức</i>	<i>1 thức</i>	<i>1 thức</i>
7 biến hành	7 biến hành	7 biến hành	7 biến hành
5 biệt cảnh	5 biệt cảnh	5 biệt cảnh	5 biệt cảnh
4 si phần	4 si phần	4 si phần	4 si phần
1 sân	1 sân	1 sân	1 sân
2 hôn phần	2 hôn phần	2 hôn phần	2 hôn phần
	<i>1 tậ</i>	<i>1 lậ</i>	<i>1 hối</i>
TỔNG: 20 DANH PHÁP	TỔNG: 21 DANH PHÁP	TỔNG: 21 DANH PHÁP	TỔNG: 21 DANH PHÁP

Chú thích:

- **7 sở hữu biến hành:** Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý;
- **5 sở hữu biệt cảnh:** Tâm, tứ, thắng giải, cần, dục;
- **4 sở hữu si:** Si, vô tâm, vô quý, phóng dật;
- **2 sở hữu hôn phần:** Hôn trầm, thụy miên.

▪ **Javana si có:**

SI PHÓNG DẬT	SI HOÀI NGHI
1 thức	1 thức
7 biến hành	7 biến hành
4 biệt cảnh (không có hỷ, dục)	3 biệt cảnh (không có hỷ, dục, thắng giải)
4 si phần	4 si phần
	1 hoài nghi
TỔNG: 16 DANH PHÁP	TỔNG: 16 DANH PHÁP

Chú thích:

- **7 sở hữu biến hành:** Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý;
- **4 sở hữu biệt cảnh** của tâm si phóng dật: Tầm, tứ, thắng giải, cần;
- **3 sở hữu biệt cảnh** của tâm si hoài nghi: Tầm, tứ, cần.
- **4 sở hữu si:** Si, vô tầm, vô quý, phóng dật.

9. Tâm đăng ký: Sinh lên sau javana.

- **Tâm đăng ký suy xét:** 11 hoặc 12 danh pháp = tâm suy xét.
- **Tâm đăng ký đại quả:** 33 hoặc 34 danh pháp = tâm đại quả.
 - Nếu javana thọ hỷ thì đăng ký thọ hỷ;
 - Nếu javana thọ xả thì đăng ký thọ xả;
 - Nếu javana thọ ưu thì đăng ký thọ xả.

8 tâm đại quả và 3 tâm suy xét thực hiện nhiệm vụ đăng ký.
1 trong 11 tâm đăng ký này sẽ sinh khởi sau các chặp javana.

Các tâm sở cetasika luôn sinh lên cùng với tâm vương (thức).

Có tổng cộng **52 tâm sở**:

- 7 sở hữu biến hành;
- 6 sở hữu biệt cảnh;
- 4 sở hữu si;
- 3 sở hữu tham;
- 4 sở hữu sân;
- 2 sở hữu hôn phần;
- 1 sở hữu hoài nghi;
- 19 sở hữu tịnh hảo biến hành;
- 3 sở hữu ngăn trừ;
- 2 sở hữu vô lượng;
- 1 sở hữu trí tuệ.

Sắc có 28 loại sắc, bao gồm 18 sắc thực và 10 sắc không thực. 10 Sắc không thực do tâm ở hiện tại sinh.

10 SẮC KHÔNG THỰC

- | | | |
|-----------------|-----------------------|------------------------|
| • Sắc hư không | • Sắc khinh | • Sắc sinh |
| • Thân biểu tri | • Sắc nhu | • Sắc tiến |
| • Khẩu biểu tri | • Sắc thích
nghiệp | • Sắc dị
• Sắc diệt |

18 SẮC THỰC		
<p>Bốn đại chủng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đất • Nước • Lửa • Gió <p>Bốn sắc cảnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Màu • Thanh • Hương • Vị 	<p>Sắc thân kinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhãn tịnh sắc • Nhĩ tịnh sắc • Tỉ tịnh sắc • Thiệt tịnh sắc • Thân tịnh sắc 	<ul style="list-style-type: none"> • Sắc dưỡng chất • Sắc mạng căn • Sắc trái tim • Sắc tánh nam • Sắc tánh nữ
<i>Tổng cộng: 8 Sắc</i>	<i>Tổng cộng: 5 Sắc</i>	<i>Tổng cộng: 5 Sắc</i>

Hỏi: Thế nào là thức duyên danh sắc?

Đáp:

▪ **QUÁ KHỨ:**

Thức nghiệp là những nghiệp thiện và bất thiện đã được tích lũy trong quá khứ sẽ trợ duyên cho thức quả và các sắc do nghiệp sinh.

1. Bởi sự sinh của thức nghiệp quá khứ, tâm quả tục sinh và sắc tục sinh sinh. *Thức nghiệp quá khứ là nhân, tâm tục sinh và sắc tục sinh là quả.*

Nếu thức nghiệp quá khứ là thiện dục giới thì danh sắc tục sinh sẽ là cao thượng như cõi người hoặc chư Thiên Dục Giới, gồm có:

- Tâm tục sinh thường có 33 hoặc 34 danh pháp.
- Sắc tục sinh có thân tịnh sắc = 10 sắc; sắc trái tim = 10 sắc; sắc giới tính = 10 sắc; sắc mạng căn = 9 sắc. Tổng cộng có 39 sắc.

Nếu thức nghiệp quá khứ là bất thiện thì danh sắc tục sinh sẽ hạ liệt như chúng sinh ở 4 cõi khổ. Tâm tục sinh sẽ là tâm suy xét thọ xả quả bất thiện vô nhân gồm có:

- Thức, xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý, tầm, tứ, thắng giải (11 danh pháp);
- Sắc do thức nghiệp sinh.

2. Bởi sự sinh của thức nghiệp quá khứ, tâm hữu phần và sắc nghiệp¹ nơi trái tim sinh. *Thức nghiệp quá khứ là nhân, tâm hữu phần và sắc nghiệp nơi trái tim là quả.*

- Tâm hữu phần = số tâm tục sinh;
- Sắc nghiệp nơi trái tim có: Thân tịnh sắc 10; sắc giới tính 10; sắc trái tim 10; tổng cộng = 30 sắc.

3. Bởi sự sinh của thức nghiệp quá khứ, danh sắc cận tử cuti sinh. *Thức nghiệp quá khứ là nhân, danh sắc cận tử là quả.* (danh sắc cận tử = danh sắc tục sinh và hữu phần).

4. Bởi sự sinh của thức nghiệp quá khứ, nhãn thức và sắc nghiệp nơi mắt sinh. *Thức nghiệp quá khứ là nhân, nhãn thức và sắc nghiệp nơi mắt là quả.*

- Nhãn thức có 8 danh pháp: Thức, xúc, thọ, tưởng,

1. Sắc nghiệp: Sắc do nghiệp sinh

tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

- Sắc nghiệp trong mắt có: Nhãn tịnh sắc = 10 sắc; Thân tịnh sắc = 10 sắc; Sắc giới tính = 10 sắc.

Nếu là nghiệp thiện cho quả thì con mắt sẽ trong sáng và thấy những cảnh tốt. Nếu là nghiệp bất thiện cho quả thì con mắt sẽ kém và thấy những cảnh xấu.

5. Bởi sự sinh của thức nghiệp quá khứ, danh sắc tiếp thân sinh. *Sắc nghiệp quá khứ là nhân, danh sắc tiếp thân là quả.*

- Danh tiếp thân có 11 danh pháp: Thức, xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý, tầm, tứ, thắng giải.

- Sắc tiếp thân là sắc nghiệp nơi trái tim, có 30 sắc. *Nếu là thức nghiệp thiện cho quả thì tiếp nhận cảnh tốt. Nếu là thức nghiệp bất thiện cho quả thì tiếp nhận cảnh xấu.*

6. Bởi sự sinh của thức nghiệp quá khứ, danh sắc suy xét sinh. *Thức nghiệp quá khứ là nhân, danh sắc suy xét là quả.*

- Danh suy xét có 11 hoặc 12 danh pháp: Thức, xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý, tầm, tứ, thắng giải, (hỉ).

Nếu là thức nghiệp thiện cho quả thì suy xét cảnh tốt. Nếu là thức nghiệp bất thiện cho quả thì suy xét cảnh xấu.

Cũng tương tự như vậy với các lộ tâm ở: Nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức.

▪ HIỆN TẠI:

Thức ở hiện tại sinh nên danh sắc sinh. *Thức quả là nhân, danh sắc là quả.* Thức hiện tại là tất cả các tâm hiệp thế và siêu thế.

- Danh là những tâm sở đi kèm với thức.
- Sắc là sắc do tâm sinh.

Trừ tâm tục sinh chưa có sắc do tâm sinh và 4 tâm thiền vô sắc không sinh ra sắc.

Ví dụ:

1. Bởi sự sinh của thức tục sinh nên danh sắc tục sinh sinh. *Thức tục sinh là nhân, danh sắc tục sinh là quả.* Danh tục sinh là các tâm sở, sắc tục sinh là sắc trái tim.

2. Bởi sự sinh của thức hữu phần nên danh sắc hữu phần sinh. *Thức hữu phần là nhân, danh sắc hữu phần là quả.* Thức hữu phần là tâm, danh là các tâm sở, sắc là sắc do tâm sinh.

3. Bởi sự sinh của thức cận tử, danh sắc cận tử sinh. *Thức cận tử là nhân, danh sắc cận tử là quả.*

Các tâm quả khác cũng giống như thế. *Danh luôn là những tâm sở cùng sinh với tâm đó, còn sắc là sắc do tâm sinh.*

Hỏi: Những tâm nào không sinh ra sắc?

Đáp: Bốn tâm vô sắc giới không sinh ra sắc.

Hỏi: Những tâm nào không cần nương vào sắc mà vẫn sinh lên?

Đáp: Bốn tâm vô sắc giới không cần nương vào sắc mà

vẫn sinh lên.

Hỏi: Thức nghiệp tham thì sẽ trợ duyên cho danh sắc như thế nào?

Đáp:

- ***Thức nghiệp tham nếu cho quả lúc tục sinh:***
 - Thường hóa sinh làm ngã quý có tâm thức luôn khao khát, không lúc nào được thỏa mãn;
 - Có sắc thân kinh dị, xấu xí.
- ***Nếu cho quả sau khi đã tái sinh thì:***
 - Có tâm thức thường khao khát, không thỏa mãn đối với cảnh trần dục;
 - Có sắc thân ốm yếu, tiêu tụy.

Hỏi: Thức nghiệp sân trợ duyên cho danh sắc như thế nào?

Đáp:

- ***Nếu cho quả lúc tục sinh thì:***
 - Thường hóa sinh trong địa ngục, có tâm thức phải cảm thọ những nỗi thống khổ cùng cực;
 - Có sắc thân bị hành hạ, thiêu đốt liên tục chết đi sống lại.
- ***Nếu cho quả sau khi đã tái sinh thì thường:***
 - Có tâm thức nóng nảy, bất mãn, không hài lòng với cảnh trần;
 - Có sắc thân dữ tợn.

Hỏi: Thức nghiệp si trợ duyên cho danh sắc như thế

nào?

Đáp:

▪ ***Nếu cho quả lúc tục sinh thì thường tái sinh làm súc sinh:***

• Có tâm thức ngu si không biết phân biệt phải trái, đúng sai, tốt xấu,...

• Có sắc thân bàng sinh, xương sống luôn ngang hàng với mặt đất là biểu hiện của loài có trí tuệ thấp kém.

▪ ***Nếu cho quả sau khi đã tái sinh thì:***

- Có tâm thức ám độn, hiểu biết nông cạn.
- Có sắc thân thô xấu.

Hỏi: Thức nghiệp đại thiện đực giới trợ duyên cho danh sắc như thế nào?

Đáp:

▪ ***Nếu cho quả lúc tục sinh thì sẽ sinh làm người hoặc chư Thiên ở 6 cõi trời Dục Giới:***

- Có tâm thức an vui, hài lòng với những cảnh trần;
- Có sắc thân mạnh khỏe, xinh đẹp.

▪ ***Nếu cho quả sau khi đã tái sinh thì:***

- Có tâm thức an vui, hài lòng với những cảnh trần;
- Có sắc thân mạnh khỏe, xinh đẹp.

Hỏi: Thức nghiệp sắc giới trợ duyên cho danh sắc như thế nào?

Đáp:

▪ ***Cho quả lúc tục sinh hóa vào 16 cõi Phạm Thiên Sắc Giới:***

- Có tâm thức định tĩnh, không có cấu uế của tham dục và sân hận.
- Có sắc thân chiếu sáng rực rỡ, có 3 căn môn là mắt – tai – ý.
- Tục sinh vào cõi vô tướng thì chỉ có sắc mà không có danh.

▪ **Cho quả sau khi tục sinh:**

- Có tâm thức định tĩnh, không có cấu uế của tham dục và sân hận.
- Có sắc thân chiếu sáng rực rỡ, có 3 căn môn là mắt – tai – ý.
- Tục sinh vào cõi vô tướng thì chỉ có sắc mà không có danh.

Hỏi: Tại sao cõi tứ thiên vô tướng chỉ có sắc mà không có danh?

Đáp: Vì người hành thiện nghiệp tứ thiên khởi tâm nhàm chán với danh uẩn nhưng còn tham ái với sắc nên sẽ tục sinh về cõi vô tướng chỉ có thân mà không có tâm.

Hỏi: Thức nghiệp vô sắc giới trợ duyên cho danh sắc như thế nào?

Đáp: Cho quả lúc tục sinh hóa sinh vào cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

- Có tâm thức định tĩnh nương vào khái niệm mà sinh lên.
- Không có sắc thân vật chất.

Cho quả sau khi tục sinh: Cũng như thế.

Hỏi: Tại sao cõi Vô Sắc Giới chỉ có tâm mà không có thân?

Đáp: Vì người hành thiện nghiệp vô sắc giới khởi tâm nhàm chán với sắc nhưng còn tham ái với danh: “Sắc thân này có nhiều sự nguy hiểm như: Chiến tranh, bệnh tật, thiên tai, tai nạn, đói, khát, nóng, lạnh,...”, và khởi lên ước muốn sinh về cõi Vô Sắc chỉ có 4 uẩn là *thọ – tưởng – hành – thức* thì khi mệnh chung vị ấy sẽ sinh về cõi Phạm Thiên Vô Sắc.

Hỏi: Do nhân duyên gì mà:

Có người có sắc đẹp – sống lâu – mạnh khỏe;

Có người có sắc xấu – chết sớm – yếu ớt;

Đáp:

- Người mà trong quá khứ đã tạo nhiều thiện nghiệp thì bây giờ thức nghiệp đó sẽ hỗ trợ sinh ra có sắc cao thượng như: Sắc đẹp – sống lâu – sức khỏe.
- Trong quá khứ tạo nhiều ác nghiệp nên thức nghiệp đó hỗ trợ sinh ra sắc xấu – chết sớm – yếu ớt.
- Người mà trong hiện tại thường có tâm cao thượng như từ – bi – hỉ – xả thì những tâm cao thượng đó sẽ hỗ trợ sinh ra sắc cao thượng như: Sắc đẹp – sống lâu – sức khỏe.
- Người mà trong hiện tại thường có tâm hạ liệt như: Tham – sân – si... thì những tâm hạ liệt đó sẽ hỗ trợ sinh ra sắc hạ liệt: Xấu xí – ốm yếu – chóng chết.

Hỏi: Do nhân duyên gì mà có người thường có nội tâm *hoan hỷ, an lạc*; có người thường có nội tâm *buồn phiền, đau khổ*?

Đáp:

▪ ***Do thức nghiệp quá khứ:***

- Do thức nghiệp thiện ở quá khứ trợ duyên khiến cho một người thường có tâm *hoan hỷ, an lạc*.
- Do thức nghiệp bất thiện ở quá khứ trợ duyên khiến cho một người thường có tâm *buồn phiền, khổ đau*.

Vì vậy do thức nghiệp (thiện hoặc ác) ở quá khứ sinh nên thức quả vui – buồn – khổ – lạc ở hiện tại sinh. *Thức nghiệp ở quá khứ là nhân, thức quả ở hiện tại là quả.*

▪ ***Do tâm thức ở hiện tại:***

- Người có tâm *hoan hỷ, an lạc* là do thiện tâm ở hiện tại cho quả.
- Người có tâm *buồn phiền, đau khổ* là do ác tâm ở hiện tại cho quả.

Vì vậy do thiện tâm ở hiện tại sinh nên *hoan hỷ, an lạc* sinh. *Thiện tâm ở hiện tại là nhân, hoan hỷ - an lạc là quả.* Do tâm bất thiện ở hiện tại sinh nên *buồn phiền - đau khổ* sinh. *Tâm bất thiện ở hiện tại là nhân, buồn phiền - đau khổ là quả.*

Hỏi: Do nhân duyên gì mà có người có sắc tốt đẹp nhưng tâm lại nhiều *phiền muộn*? Do nhân duyên gì mà có người có sắc xấu nhưng tâm lại *an vui*?

Đáp: Người có sắc tốt mà tâm nhiều phiền muộn là do nghiệp trợ duyên cho thức tục sinh là nghiệp tốt, nghiệp duy trì kiếp sống là nghiệp xấu khiến vị đó gặp cảnh không như ý rồi sinh sầu bi, phiền muộn hoặc tâm thức ở hiện tại đang bị ô nhiễm.

Người có sắc thân xấu mà tâm nhiều an vui là do thức nghiệp trợ duyên cho danh sắc tục sinh không tốt, nghiệp duy trì kiếp sống là nghiệp tốt hoặc tâm thức ở hiện tại cao thượng.

Hỏi: Tại sao có người có nhiều tài sản nhưng lại có sắc xấu xí? Tại sao có người ít tài sản nhưng lại có sắc đẹp?

Đáp: 1. Người nhiều tài sản nhưng xấu xí là do quá khứ làm nhiều việc thiện với tâm vô tham mạnh nhưng vô sân yếu tức là thường hay giận dữ khi làm việc thiện.

- Do thức nghiệp có *vô tham* mạnh, *vô sân* yếu trợ duyên khiến cho một người có nhiều tài sản nhưng xấu xí. Thức nghiệp có *vô tham* mạnh, *vô sân* yếu là nhân, *người có nhiều tài sản nhưng xấu xí* là quả.

2. *Người có ít tài sản nhưng lại có sắc đẹp* là do trong quá khứ tạo thiện nghiệp với tâm vô tham yếu, vô sân mạnh (*tức là có tình thương nhiều nhưng giúp đỡ thì ít*).

- Do thức nghiệp có *vô tham* yếu, *vô sân* mạnh trợ duyên khiến cho một người có ít tài sản nhưng có sắc đẹp. *Thức nghiệp vô tham* yếu, *vô sân* mạnh là nhân, *người có sắc đẹp nhưng ít tài sản* là quả.

Hỏi: Do thức gì trợ duyên khiến cho:

**Một người có trí tuệ nhưng không có sắc đẹp;
Có người có sắc đẹp nhưng không có trí tuệ;
Có người vừa có trí tuệ, vừa có sắc đẹp;
Có người vừa không có trí tuệ, vừa không có sắc đẹp?**

Đáp:

1. *Người có trí tuệ mà không có sắc đẹp* là do thức nghiệp quá khứ có vô sân yếu nhưng vô si mạnh trợ duyên (tức là người rất giàu lý trí nhưng thiếu tình thương). Thức nghiệp có vô sân yếu và vô si mạnh là nhân, người có trí tuệ nhưng xấu xí là quả.

2. *Người có sắc đẹp nhưng không có trí tuệ* là do thức nghiệp quá khứ đi kèm với vô sân mạnh nhưng vô si yếu. Tức là người rất giàu tình cảm nhưng không có lý trí (thương người nhưng không biết ai tốt, ai xấu). Thức nghiệp có vô sân mạnh và vô si yếu là nhân, người có sắc đẹp nhưng không có trí tuệ là quả.

3. *Người vừa có trí tuệ vừa có sắc đẹp* là do thức nghiệp quá khứ đi kèm với vô sân mạnh và vô si mạnh. Tức là người vừa có tình thương vừa có lý trí quân bình. Thức nghiệp có vô sân và vô si mạnh là nhân, người vừa có sắc đẹp vừa có trí tuệ là quả.

4. *Người vừa xấu, vừa ngu* là do thức nghiệp đi kèm với vô sân yếu và vô si yếu. Tức là người vừa không có tình thương vừa không có lý trí. Thức nghiệp có vô sân yếu, vô si yếu là nhân, người vừa xấu vừa ngu là quả.

Hỏi: Tại sao có người vừa có nhiều tài sản, vừa có sắc đẹp vừa có trí tuệ? Tại sao có người ít tài sản, không có

sắc đẹp, không có trí tuệ?

Đáp: Do thức nghiệp đi kèm với vô tham - vô sân - vô si mạnh trợ duyên khiến cho một người có nhiều tài sản, sắc đẹp, trí tuệ.

Do thức nghiệp đi kèm với *vô tham - vô sân - vô si* yếu trợ duyên khiến cho một người có ít tài sản, ít sắc đẹp, ít trí tuệ.

Hỏi: Tại sao có người khi còn trẻ thì có nhiều tài sản, sắc đẹp, trí tuệ; nhưng khi lớn tuổi lại hết tài sản, sắc đẹp, trí tuệ?

Đáp: Do thức nghiệp quá khứ đi kèm với vô tham - vô sân - vô si mạnh trợ duyên khiến cho lúc còn trẻ có nhiều tài sản, sắc đẹp, trí tuệ.

Do thức nghiệp hiện tại đi kèm với *tham - sân - si* mạnh trợ duyên khiến cho một người càng lớn thì tài sản, sắc đẹp và trí tuệ càng tiêu tan.

Hỏi: Tại sao có người từ nhỏ đến già đều thiếu thốn tài sản, sắc đẹp, trí tuệ? Tại sao có người từ nhỏ đến già đều đầy đủ tài sản, sắc đẹp, trí tuệ?

Đáp: Do thức nghiệp quá khứ và thức nghiệp hiện tại đi kèm với tham, sân, si mạnh nên suốt đời thiếu thốn. Do thức nghiệp quá khứ và thức nghiệp hiện tại đều đi kèm với *vô tham - vô sân - vô si* mạnh nên suốt đời đầy đủ.

Hỏi: Quán thức duyên danh sắc để làm gì?

Đáp: Để hiểu rõ cái bản chất thật sự của thân tâm này

có sự trợ duyên cho nhau:

- Trong kiếp sống quá khứ, nếu một người phát triển được những tâm thức cao thượng, tạo thiện nghiệp cao thượng thì cái thức nghiệp ấy sẽ hỗ trợ cho thức tục sinh sinh vào cõi sống cao thượng, có sắc thân tốt đẹp và tâm thức thường được tiếp nhận những điều như ý.
- Trong cuộc sống hiện tại, nếu một người siêng năng phát triển tâm thiện thì tâm cao thượng ấy cũng trợ duyên sinh ra sắc trong sáng do tâm sinh và tâm ý cũng thường được an lạc, tự tại.
- Trong kiếp sống quá khứ, nếu phát triển những tâm hạ liệt *tham - sân - si* và tạo những nghiệp bất thiện thì thức nghiệp hạ liệt ấy sẽ hỗ trợ sinh ra một kiếp sống mới có sắc thân xấu xí ở những cõi thấp kém, khổ sở.
- Trong kiếp sống hiện tại, nếu lại thường khởi lên những phiền não, ô nhiễm thì tâm thức ô nhiễm ấy lại sinh ra những sắc ám muội khiến sinh ra nhiều bệnh tật, xấu xí và chết sớm.

Hỏi: Muốn phát triển được những tâm cao thượng vô *tham - vô sân - vô si* và diệt trừ được những tâm hạ liệt *tham - sân - si* thì phải làm gì?

Đáp: Phải nỗ lực hành thiện. Thực hành thiện định sẽ đè nén được *tham - sân - si* làm cho thức nghiệp vô *tham - vô sân - vô si* phát triển mạnh. Thực hành thiện tuệ sẽ đi đến diệt trừ được *tham - sân - si* và giải thoát khổ đau sinh tử.

4/ DANH SẮC DUYÊN LỤC NHẬP NĀMARŪPAPACCAYĀ SAḬAYATANAM

Vì danh sắc sinh nên sáu xứ sinh.
Danh sắc là nhân, sáu xứ là quả.

Danh là chỉ cho tâm và các tâm sở.
Sắc là chỉ cho các sắc thân kinh ở sáu căn nơi mà các tâm thức nương vào để sinh lên. Sáu xứ là:

- 6 nội xứ: Mắt – tai – mũi – lưỡi – thân – ý;
- 6 ngoại xứ: Sắc – thanh – hương – vị – xúc – pháp;
- 6 thức xứ: Nhãn thức – nhĩ thức – tỉ thức – thiệt thức – thân thức – ý thức.

Như vậy:

- Mắt: Có nhãn tịnh sắc và nhãn thức – biết cảnh sắc;
- Tai: Có nhĩ tịnh sắc và nhĩ thức – nghe âm thanh;
- Mũi: Có tỉ tịnh sắc và tỉ thức – ngửi mùi;
- Lưỡi: Có thiệt tịnh sắc và thiệt thức – nếm vị;
- Thân: Có thân tịnh sắc và thân thức – đụng chạm;
- Ý: Có sắc trái tim và ý thức – biết cả 5 cảnh trên.

Lộ trình tâm ở các căn môn:

▪ **Lộ ngũ môn có:**

- Ngũ môn hướng tâm;
- Nhân thức/ nhĩ thức/ tỉ thức/ thiệt thức/ thân thức;

- Tiếp nhận;
- Suy xét;
- Xác định;
- 7 chặp javana;
- 2 chặp đăng ký.

▪ **Lộ tâm ý môn:**

- Ý môn hướng tâm;
- 7 chặp javana;
- 2 chặp đăng ký.

Tâm tục sinh, tâm hữu phần và tâm tử thuộc lộ ý môn.

Tất cả các lộ tâm đều có 1 tâm vương (thức) và các tâm sở trợ duyên cho nhau sinh lên.

Hỏi: Thế nào là danh sắc làm duyên cho sáu xứ?

Đáp: Danh sắc duyên sáu xứ có 5 trường hợp:

1. Danh làm nhân trợ duyên cho danh sinh ra: Tức là các tâm sở làm duyên cho tâm vương.

- **Tâm tục sinh:** Bởi sự sinh của tâm sở tục sinh nên thức tục sinh sinh. *Tâm sở tục sinh là nhân, thức tục sinh là quả.*

- **Tâm hữu phần:** Bởi sự sinh của tâm sở hữu phần nên thức hữu phần sinh. *Tâm sở hữu phần là nhân, thức*

hữu phần là quả.

• **Tâm tử:** Bởi sự sinh của tâm sở cuti, thức cuti sinh. *Tâm sở cuti là nhân, thức cuti là quả.*

Cũng giống như một người muốn làm vua thì phải có dân chúng; không có dân thì làm vua với ai? Vì có dân chúng nên mới có vua. Dân chúng là nhân, vua là quả.

• **Lộ ngũ môn có:**

- Ngũ môn hướng tâm: Tâm sở là nhân, thức là quả;
- Nhãn thức (nhĩ thức/ tỉ thức/ thiệt thức/ thân thức): Tâm sở là nhân, thức là quả;
- Tiếp nhận: Tâm sở là nhân, thức là quả;
- Suy xét: Tâm sở là nhân, thức là quả;
- Xác định: Tâm sở là nhân, thức là quả;
- 7 chặp javana: Tâm sở là nhân, thức là quả;
- 2 chặp đăng ký: Tâm sở là nhân, thức là quả.

• **Lộ tâm ý môn:**

- Ý môn hướng tâm: Tâm sở là nhân, thức là quả;
- 7 chặp javana: Tâm sở là nhân, thức là quả;
- 2 chặp đăng ký: Tâm sở là nhân, thức là quả.

Bởi sự sinh của tâm sở nên tâm thức sinh: Tâm sở là nhân, tâm thức là quả.

2. Danh làm nhân trợ duyên cho sắc sinh ra: Tức là tâm và các tâm sở làm duyên cho sắc.

- Bởi sự sinh của nhãn thức, nhãn tịnh sắc sinh.
- Bởi sự sinh của nhĩ thức, nhĩ tịnh sắc sinh;

- Bởi sự sinh của tử thức, tử tịnh sắc sinh;
- Bởi sự sinh của thiệt thức, thiệt tịnh sắc sinh;
- Bởi sự sinh của thân thức; thân tịnh sắc sinh;
- Bởi sự sinh của ý thức; sắc trái tim sinh.

Các lộ tâm:

- Tâm hữu phần;
- Tâm ngũ môn;
- Tâm tiếp thân;
- Tâm suy xét;
- Tâm xác định;
- 7 chặp javana;
- 2 chặp đăng ký;

cũng là nhân hỗ trợ cho các sắc tịnh sắc sinh lên.

3. Sắc làm nhân trợ duyên cho sắc sinh ra:

Nhãn tịnh sắc có 10 sắc: Đất – nước – lửa – gió – màu – mùi – vị – dưỡng chất – mạng căn – nhãn tịnh sắc.

- Bởi sự sinh của tứ đại (đất – nước – lửa – gió) trong nhãn tịnh sắc, nhãn tịnh sắc sinh. *Tứ đại là nhân, nhãn tịnh sắc là quả.*

- Bởi sự sinh của mạng căn, nhãn tịnh sắc sinh. *Mạng căn là nhân, nhãn tịnh sắc là quả.*

- Bởi sự sinh của dưỡng chất, nhãn tịnh sắc sinh. *Dưỡng chất là nhân, nhãn tịnh sắc là quả.*

4. Sắc làm nhân trợ duyên cho danh là quả sinh ra:

Đối với những chúng sinh có 5 uẩn thì tâm thức chỉ có thể sinh lên nếu có sắc thân kinh tương ứng.

- Nhờ có nhãn tịnh sắc, nhãn thức mới sinh. *Nhãn tịnh sắc là nhân, nhãn thức là quả.* Nhãn thức bao gồm cả tâm và các tâm sở.

Cũng tương tự như vậy:

- Nhờ có nhĩ tịnh sắc làm nhân, nhĩ thức mới sinh lên.

- Nhờ có tỉ tịnh sắc làm nhân, tỉ thức mới sinh lên.

- Nhờ có thiệt tịnh sắc làm nhân, thiệt thức mới sinh lên.

- Nhờ có thân tịnh sắc làm nhân, thân thức mới sinh lên.

Các tâm còn lại đều nương vào sắc trái tim mà sinh lên như nhờ có sắc trái tim làm nhân trợ duyên cho các lộ tâm dưới đây sinh lên:

- Tâm tục sinh, tâm hữu phân, tâm tử;

- Ngũ môn hướng tâm:

- Tiếp nhận;

- Suy xét;

- Xác định;

- 7 chặp javana;

- 2 chặp đăng ký.

- Lộ tâm ý môn:

- Ý môn hướng tâm;

- 7 chặp javana;

- 2 chặp đăng ký.

Sắc trái tim là nhân, các tâm trên là quả.

5. Tâm sở và sắc làm nhân trợ duyên cho tâm thức sinh lên:

- Danh: Là những tâm sở sinh cùng với tâm đó.
- Sắc: Là sắc thân kinh nơi mà tâm đó nương vào để sinh lên.
- **Mắt:** Nhờ có nhãn tịnh sắc và các tâm sở nên nhãn thức mới sinh lên.
 - Nhãn tịnh sắc và tâm sở là nhân, nhãn thức là quả.
- **Tai:**
 - Nhĩ tịnh sắc và tâm sở là nhân, nhĩ thức là quả.
- **Mũi:**
 - Tỉ tịnh sắc và tâm sở là nhân, tỉ thức là quả.
- **Lưỡi:**
 - Thiệt tịnh sắc và tâm sở là nhân, thiệt thức là quả.
- **Thân:**
 - Thân tịnh sắc và tâm sở là nhân, thân thức là quả.
- **Ý:**
 - Sắc trái tim và tâm sở là nhân, tâm thức tục sinh là quả;
 - Sắc trái tim và tâm sở là nhân, tâm thức hữu phần là quả;
 - Sắc trái tim và tâm sở là nhân, tâm thức tử là quả;
 - Sắc trái tim và tâm sở là nhân, tâm thức ngũ môn

hướng tâm là quả;

- Sắc trái tim và tâm sở là nhân, tâm thức tiếp thân là quả;

- Sắc trái tim và tâm sở là nhân, tâm thức suy xét là quả;

- Sắc trái tim và tâm sở là nhân, tâm thức xác định là quả.

Tương tự như vậy với các tâm còn lại:

- 7 chặp javana;
- 2 chặp đăng ký;

} *Thuộc lộ ngũ môn*

- Ý môn hướng tâm:
- 7 chặp javana;
- 2 chặp đăng ký.

} *Thuộc lộ ý môn*

Như vậy danh sắc duyên sáu xứ có nghĩa là danh và sắc hiện diện ở sáu căn *mắt – tai – mũi – lưỡi – thân – ý* có phận sự trợ duyên cho nhau sinh lên trong 5 trường hợp:

- 1. Danh trợ duyên cho danh sinh (tâm sở trợ duyên cho tâm vương hay thức);

- 2. Danh trợ duyên cho sắc sinh (tâm vương và tâm sở trợ duyên cho sắc);

- 3. Sắc trợ duyên cho sắc sinh (sắc tứ đại trợ duyên cho sắc y đại và ngược lại);

- 4. Sắc trợ duyên cho danh sinh (sắc căn trợ duyên cho tâm và tâm sở);

- 5. Danh và sắc trợ duyên cho thức sinh (tâm sở và

sắc căn trợ duyên cho thức).

Hỏi: Quán danh sắc duyên sáu xứ để làm gì?

Đáp: Để hiểu rõ về bản chất của các tâm thức. Chỉ khi nào có đầy đủ các yếu tố nhân duyên hỗ trợ cho nhau thì tâm thức mới sinh khởi. Một tâm sinh lên phải có căn - trần - thức trợ duyên cho nhau. Hiểu đúng về tâm thì cũng được gọi là có chánh kiến. Có chánh kiến sẽ dứt trừ được tham ái-chấp thủ vào 6 căn, 6 trần, 6 thức và sẽ đạt được sự giác ngộ.

5/ SÁU XỨ DUYÊN XÚC

SALĀYATANAPACCAYĀ PHASSO

Do sáu xứ sinh nên xúc sinh.
Sáu xứ là nhân, xúc là quả.

Xúc có 6 loại xúc là:

- Nhãn xúc: Mắt tiếp xúc với sắc;
- Nhĩ xúc: Tai tiếp xúc với âm thanh;
- Tỉ xúc: Mũi tiếp xúc với mùi;
- Thiệt xúc: Lưỡi tiếp xúc với vị;
- Thân xúc: Thân tiếp xúc với vật;
- Ý xúc: Ý tiếp xúc với pháp.

Sáu xứ gồm có:

- 6 nội xứ: Mắt – tai – mũi – lưỡi – thân – ý;
- 6 ngoại xứ: Sắc – thanh – hương – vị – xúc – pháp.

Những nội xứ và ngoại xứ này làm nền tảng cho tâm và tâm sở sinh lên. Ví dụ: Khi mắt tiếp xúc với một cảnh sắc khả lạc, hấp dẫn thì tâm vui thích khởi lên. Ngược lại nếu tiếp xúc một cảnh không ưa thích thì tâm bực tức khởi lên.

Tâm tục sinh, tâm hữu phần, tâm tử đều có 4 nhân trợ duyên cho ý xúc sinh lên:

- Do sắc trái tim sinh nên ý xúc tâm tục sinh sinh.

Sắc trái tim là nhân, ý xúc tâm tục sinh là quả.

- Do nghiệp cận tử sinh nên ý xúc tục sinh sinh.
- Do thức tục sinh sinh nên ý xúc tục sinh sinh.
- Do tâm sở tục sinh sinh nên ý xúc tục sinh sinh.

Sắc trái tim
Nghiệp cận tử
Thức
Tâm sở } Là **nhân** → Xúc là **quả**

LỘ NHÃN XÚC:

- Do nhãn tịnh sắc sinh nên nhãn xúc sinh;
- Do cảnh sắc sinh nên nhãn xúc sinh;
- Do nhãn thức sinh nên nhãn xúc sinh;
- Do tâm sở sinh nên nhãn xúc sinh;
- Do ánh sáng sinh nên nhãn xúc sinh;
- Do tác ý sinh nên nhãn xúc sinh.

Sắc trái tim
Nghiệp cận tử
Thức
Tâm sở
Ánh sáng
Tác ý } Là **nhân** → Nhãn xúc là **quả**

Hỏi: Khi mắt tiếp xúc với cảnh sắc, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm thiện, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm

bất thiện?

Đáp: Khi tiếp xúc với cảnh sắc:

- Nếu tác ý sai sự thật hay phi như lý tác ý thì sinh ra tâm bất thiện.
- Nếu tác ý đúng sự thật hay như lý tác ý thì sinh ra tâm thiện.

Hỏi: Thế nào là tác ý sai sự thật hay phi như lý tác ý với sắc?

Đáp: Phi như lý tác ý, hay tác ý sai sự thật với sắc là:

- *Khi mắt tiếp xúc với cảnh sắc rồi khởi lên tác ý:*
 - Cảnh sắc này đẹp quá;
 - Cảnh sắc này tồn tại mãi;
 - Cảnh sắc này vui thú quá;
 - Cảnh sắc này có hình tướng, tự ngã.

Tác ý như vậy là thấy sai sự thật nên tâm tham tà kiến sẽ khởi lên.

- Nếu thích thú với sắc thì có thọ hỷ;
 - Nếu không thích thì có thọ xả;
 - Nếu thấy sai một cách mau lẹ thì không cần hỗ trợ;
 - Nếu thấy sai một cách mơ hồ thì cần hỗ trợ.
- ***Nếu khi tiếp xúc với cảnh sắc rồi khởi lên phi lý tác ý: “Chỉ có sắc của ta mới đẹp như thế này” thì tâm tham ngã mạn sẽ khởi lên.***
 - Nếu cảm thấy tự hào, thích thú thì có thọ hỷ;
 - Nếu thản nhiên, vô tư thì có thọ xả;
 - Nếu ngã mạn khởi lên dễ dàng thì không cần hỗ

trợ;

- Nếu ngã mạn khởi lên chậm chạp thì cần hỗ trợ.
- ***Nếu khi tiếp xúc với cảnh sắc mà khởi lên tác ý: Cái này thật đáng ghét thì tâm sân tức giận sẽ khởi lên.***
 - Khởi lên dễ dàng là vô trợ;
 - Khởi lên khó khăn là hữu trợ.
- ***Nếu phi như lý tác ý: Mong cho sắc của người khác sớm tàn hoại thì tâm sân ganh tị sẽ khởi lên.***
 - Ganh tị khởi lên dễ dàng là vô trợ;
 - Ganh tị khởi lên khó khăn là hữu trợ.
- ***Nếu phi như lý tác ý: Mong rằng đừng ai có được sắc đẹp như sắc của ta thì tâm sân bõn xẻn sẽ khởi lên.***
 - Sân bõn xẻn khởi lên dễ dàng là vô trợ;
 - Sân bõn xẻn khởi lên khó khăn là hữu trợ.
- ***Nếu phi như lý tác ý: Do dự, hoài nghi không biết sắc này tốt hay xấu... thì si hoài nghi sẽ khởi lên; hoặc tiếp xúc cảnh sắc với tâm tán loạn, lang thang, không an tịnh thì si phóng dật sẽ khởi lên.***

Do phi như lý tác ý sinh nên tâm bất thiện sinh. Phi như lý tác ý là nhân, tâm bất thiện là quả.

Hỏi: Thế nào là như lý tác ý khi mắt tiếp xúc với cảnh sắc?

Đáp: Có 6 cách như lý tác ý hay tác ý đúng sự thật khi mắt tiếp xúc với cảnh sắc:

- Cảnh sắc này là sắc;
- Cảnh sắc này là vô thường;

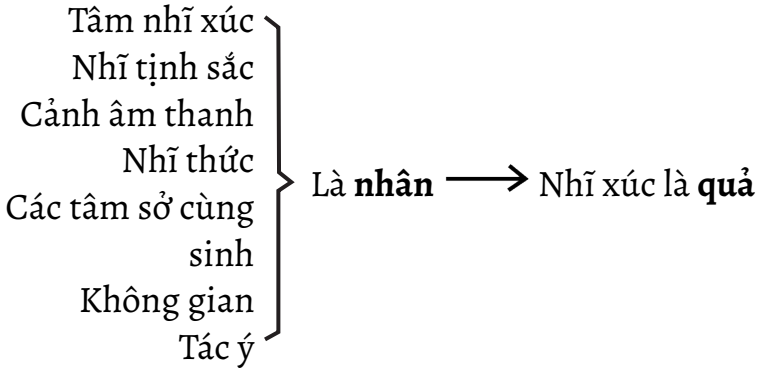
- Cảnh sắc này là khổ;
- Cảnh sắc này là vô ngã;
- Cảnh sắc này là bất tịnh.

Khi được tác ý như vậy thì tâm đại thiện dục giới sẽ sinh khởi.

- Nếu hoan hỷ với cảnh sắc thì có thọ hỷ;
- Không hoan hỷ thì có thọ xả;
- Nếu hiểu rõ về tính chất của cảnh sắc thì hợp trí;
- Nếu không hiểu rõ tính chất của cảnh sắc thì ly trí.

LỘ NHĨ XÚC:

Bởi sự sinh của nhĩ tịnh sắc nên nhĩ xúc sinh. *Nhĩ tịnh sắc là nhân, nhĩ xúc là quả.*



Hỏi: Khi tai tiếp xúc với âm thanh, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm thiện, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm bất thiện?

Đáp: Khi tai tiếp xúc với âm thanh:

- Nếu tác ý sai sự thật hay phi như lý tác ý thì sinh ra tâm bất thiện.
- Nếu tác ý đúng sự thật hay như lý tác ý thì sinh ra

tâm thiện.

Hỏi: Thế nào là tác ý sai sự thật hay phi như lý tác ý với thanh?

Đáp: Phi như lý tác ý, hay tác ý sai sự thật với âm thanh là:

- *Khi tai tiếp xúc với âm thanh rồi khởi lên tác ý:*
 - Âm thanh này hay quá;
 - Âm thanh này tồn tại mãi;
 - Âm thanh này vui thú quá;
 - Âm thanh này có tự ngã.

Tác ý như vậy là thấy sai sự thật nên tâm tham tà kiến sẽ khởi lên.

- Nếu thích thú với thanh thì có thọ hỷ;
- Nếu không thích thì có thọ xả;
- Nếu thấy sai một cách mau lẹ thì không cần hỗ trợ;
- Nếu thấy sai một cách mơ hồ thì cần hỗ trợ.
- **Nếu khi tiếp xúc với âm thanh rồi khởi lên phi lý tác ý: “Chỉ có âm thanh của ta mới hay như thế này” thì tâm tham ngã mạn sẽ khởi lên.**
 - Nếu cảm thấy tự hào, thích thú thì có thọ hỷ;
 - Nếu thản nhiên, vô tư thì có thọ xả;
 - Nếu ngã mạn khởi lên dễ dàng thì không cần hỗ trợ;
 - Nếu ngã mạn khởi lên chậm chạp thì cần hỗ trợ.
- **Nếu khi tiếp xúc với âm thanh mà khởi lên tác ý: Âm thanh này thật đáng ghét thì tâm sân tức giận sẽ khởi lên.**
 - Khởi lên dễ dàng là vô trợ;

- Khởi lên khó khăn là hữu trợ.
- **Nếu phi như lý tác ý: Mong rằng đừng ai có được âm thanh hay như âm thanh của ta thì tâm sân bôn xển sẽ khởi lên.**
 - Sân bôn xển khởi lên dễ dàng là vô trợ;
 - Sân bôn xển khởi lên khó khăn là hữu trợ.
- **Nếu phi như lý tác ý: Do dự, hoài nghi không biết âm thanh này tốt hay xấu... thì si hoài nghi sẽ khởi lên; hoặc tiếp xúc âm thanh với tâm tán loạn, lang thang, không an tịnh thì si phóng dật sẽ khởi lên.**

Do phi như lý tác ý sinh nên tâm bất thiện sinh. Phi như lý tác ý là nhân, tâm bất thiện là quả.

Hỏi: Thế nào là như lý tác ý khi tai tiếp xúc với âm thanh?

Đáp: Có 6 cách như lý tác ý hay tác ý đúng sự thật khi tai tiếp xúc với âm thanh:

- Âm thanh này là cảnh sắc;
- Âm thanh này là âm thanh;
- Âm thanh này là vô thường;
- Âm thanh này là khổ;
- Âm thanh này là vô ngã;
- Âm thanh này là bất tịnh.

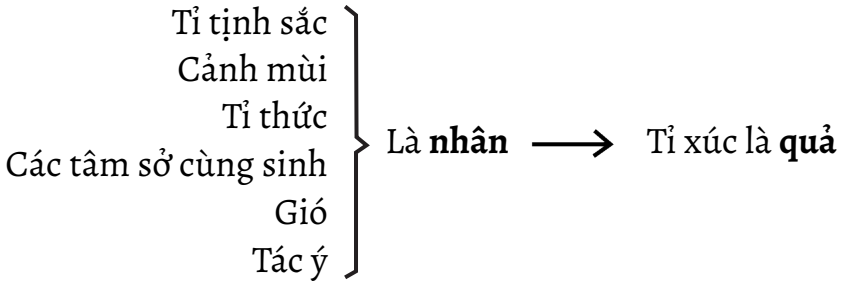
Khi được tác ý như vậy thì tâm đại thiện dục giới sẽ sinh khởi.

- Nếu hoan hỷ với âm thanh thì có thọ hỷ;
- Không hoan hỷ thì có thọ xả;
- Nếu hiểu rõ về tính chất của âm thanh thì hợp trí;

- Nếu không hiểu rõ tính chất của âm thanh thì lý trí.

TÂM TỈ XÚC:

Bởi sự sinh của tỉ tịnh sắc nên tỉ xúc sinh. *Tỉ tịnh sắc là nhân, tỉ xúc là quả.*



Hỏi: Khi mũi tiếp xúc với mùi, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm thiện, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm bất thiện?

Đáp: Khi mũi tiếp xúc với mùi:

- Nếu tác ý sai sự thật hay phi như lý tác ý thì sinh ra tâm bất thiện.
- Nếu tác ý đúng sự thật hay như lý tác ý thì sinh ra tâm thiện.

Hỏi: Thế nào là *tác ý sai sự thật hay phi như lý tác ý với mùi?*

Đáp: Phi như lý tác ý, hay tác ý sai sự thật với mùi là:

- *Khi mũi tiếp xúc với mùi rồi khởi lên tác ý:*
 - Mùi này thơm quá;
 - Mùi này tồn tại mãi;
 - Mùi này vui thú quá;

- Mùi này có tự ngã.

Tác ý như vậy là thấy sai sự thật nên tâm tham tà kiến sẽ khởi lên.

- Nếu thích thú với mùi thì có thọ hỷ;
 - Nếu không thích thú thì có thọ xả;
 - Nếu thấy sai một cách mau lẹ thì không cần hỗ trợ;
 - Nếu thấy sai một cách mơ hồ thì cần hỗ trợ.
- **Nếu khi tiếp xúc với mùi rồi khởi lên phi lý tác ý: “Chỉ có mùi của ta mới thơm như thế này” thì tâm tham ngã mạn sẽ khởi lên.**
 - Nếu cảm thấy tự hào, thích thú thì có thọ hỷ;
 - Nếu thản nhiên, vô tư thì có thọ xả;
 - Nếu ngã mạn khởi lên dễ dàng thì không cần hỗ trợ;
 - Nếu ngã mạn khởi lên chậm chạp thì cần hỗ trợ.
 - **Nếu khi tiếp xúc với mùi mà khởi lên tác ý: Mùi này thật đáng ghét thì tâm sân tức giận sẽ khởi lên.**
 - Khởi lên dễ dàng là vô trợ;
 - Khởi lên khó khăn là hữu trợ.
 - **Nếu phi như lý tác ý: Mong cho mùi của người khác sớm tàn hoại thì tâm sân ganh tị sẽ khởi lên.**
 - Ganh tị khởi lên dễ dàng là vô trợ;
 - Ganh tị khởi lên khó khăn là hữu trợ.
 - **Nếu phi như lý tác ý: Mong rằng đừng ai có được mùi thơm như ta thì tâm sân bòn xẻn sẽ khởi lên.**
 - Sân bòn xẻn khởi lên dễ dàng là vô trợ;

- Sân bản xén khởi lên khó khăn là hữu trợ.
- **Nếu phi như lý tác ý: Do dự, hoài nghi không biết mùi này tốt hay xấu... thì si hoài nghi sẽ khởi lên; hoặc tiếp xúc mùi với tâm tán loạn, lang thang, không an tịnh thì si phóng dật sẽ khởi lên.**

Do phi như lý tác ý sinh nên tâm bất thiện sinh. *Phi như lý tác ý là nhân, tâm bất thiện là quả.*

Hỏi: Thế nào là như lý tác ý khi mũi tiếp xúc với mùi?

Đáp: Có 6 cách như lý tác ý hay tác ý đúng sự thật khi mũi tiếp xúc với mùi:

- Mùi này là cảnh sắc;
- Mùi này là mùi;
- Mùi này là vô thường;
- Mùi này là khổ;
- Mùi này là vô ngã;
- Mùi này là bất tịnh.

Khi được tác ý như vậy thì tâm đại thiện dục giới sẽ sinh khởi.

- Nếu hoan hỷ với mùi thì có thọ hỷ;
- Không hoan hỷ thì có thọ xả;
- Nếu hiểu rõ về tính chất của mùi thì hợp trí;
- Nếu không hiểu rõ tính chất của mùi thì ly trí.

TÂM THIỆT XÚC

Bởi sự sinh của thiết tịnh sắc nên thiết xúc sinh. *Thiết tịnh sắc là nhân, thiết xúc là quả.*

Thiệt tịnh sắc	}	Là nhân	→	Thiệt xúc là quả
Cảnh vị				
Thiệt thức				
Các tâm sở				
Nước				
Tác ý				

Hỏi: Khi lữĩ tiếp xúc với vị, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm thiện, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm bất thiện?

Đáp: Khi lữĩ tiếp xúc với vị:

- Nếu tác ý sai sự thật hay phi như lý tác ý thì sinh ra tâm bất thiện.
- Nếu tác ý đúng sự thật hay như lý tác ý thì sinh ra tâm thiện.

Hỏi: Thế nào là tác ý sai sự thật hay phi như lý tác ý với vị?

Đáp: Phi như lý tác ý, hay tác ý sai sự thật với vị là:

- *Khi lữĩ tiếp xúc với vị rồi khởi lên tác ý:*
 - Vị này ngon quá;
 - Vị này tồn tại mãi;
 - Vị này vui thú quá;
 - Vị này có tự ngã.

Tác ý như vậy là thấy sai sự thật nên tâm tham tà kiến sẽ khởi lên.

- Nếu thích thú với vị thì có thọ hĩ;
- Nếu không thích thì có thọ xả;
- Nếu thấy sai một cách mau lẹ thì không cần hỗ trợ;

- Nếu thấy sai một cách mơ hồ thì cần hỗ trợ.
- ***Nếu khi tiếp xúc với vị rồi khởi lên phi lý tác ý: “Chỉ có vị của ta mới thơm như thế này” thì tâm tham ngã mạn sẽ khởi lên.***
 - Nếu cảm thấy tự hào, thích thú thì có thọ hỷ;
 - Nếu thản nhiên, vô tư thì có thọ xả;
 - Nếu ngã mạn khởi lên dễ dàng thì không cần hỗ trợ;
 - Nếu ngã mạn khởi lên chậm chạp thì cần hỗ trợ.
- ***Nếu khi tiếp xúc với vị mà khởi lên tác ý: Vị này thật đáng ghét thì tâm sân tức giận sẽ khởi lên.***
 - Khởi lên dễ dàng là vô trợ;
 - Khởi lên khó khăn là hữu trợ.
- ***Nếu phi như lý tác ý: Mong cho vị ngon của người khác sớm tàn hoại thì tâm sân ganh tị sẽ khởi lên.***
 - Ganh tị khởi lên dễ dàng là vô trợ;
 - Ganh tị khởi lên khó khăn là hữu trợ.
- ***Nếu phi như lý tác ý: Mong rằng đừng ai có được vị ngon như ta thì tâm sân bòn xén sẽ khởi lên.***
 - Sân bòn xén khởi lên dễ dàng là vô trợ;
 - Sân bòn xén khởi lên khó khăn là hữu trợ.
- ***Nếu phi như lý tác ý: Do dự, hoài nghi không biết vị này ngon hay dở... thì si hoài nghi sẽ khởi lên; hoặc tiếp xúc vị với tâm tán loạn, lang thang, không an tịnh thì si phóng dật sẽ khởi lên.***

Do phi như lý tác ý sinh nên tâm bất thiện sinh. *Phi như lý tác ý là nhân, tâm bất thiện là quả.*

Hỏi: Thế nào là như lý tác ý khi lưởi tiếp xúc với vị?

Đáp: Có 6 cách như lý tác ý hay tác ý đúng sự thật khi lưởi tiếp xúc với vị:

- Vị này là cảnh sắc;
- Vị này là vị;
- Vị này là vô thường;
- Vị này là khổ;
- Vị này là vô ngã;
- Vị này là bất tịnh.

Khi được tác ý như vậy thì tâm đại thiện dục giới sẽ sinh khởi.

- Nếu hoan hỷ với vị thì có thọ hỷ;
- Không hoan hỷ thì có thọ xả;
- Nếu hiểu rõ về tính chất của vị thì hợp trí;
- Nếu không hiểu rõ tính chất của vị thì ly trí.

TÂM THÂN XÚC:

Do thân tịnh sắc sinh nên thân xúc sinh. *Thân tịnh sắc là nhân, thân xúc là quả.*

Thân tịnh sắc	}	Là nhân	→	Thân xúc là quả
Cảnh xúc chạm				
Thân thức				
Các tâm sở				
Đất				
Tác ý				

Hỏi: Khi thân tiếp xúc với vật, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm thiện, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm bất thiện?

Đáp: Khi thân tiếp xúc với vật:

- Nếu tác ý sai sự thật hay phi như lý tác ý thì sinh ra tâm bất thiện.
- Nếu tác ý đúng sự thật hay như lý tác ý thì sinh ra tâm thiện.

Hỏi: Thế nào là tác ý sai sự thật hay phi như lý tác ý với xúc?

Đáp: Phi như lý tác ý, hay tác ý sai sự thật với xúc là:

- *Khi thân tiếp xúc với vật rồi khởi lên tác ý:*
 - Xúc này êm quá;
 - Xúc này tồn tại mãi;
 - Xúc này vui thú quá;
 - Xúc này có tự ngã.

Tác ý như vậy là thấy sai sự thật nên tâm tham tà kiến sẽ khởi lên.

- Nếu thích thú với vật thì có thọ hỷ;
 - Nếu không thích thì có thọ xả;
 - Nếu thấy sai một cách mau lẹ thì không cần hỗ trợ;
 - Nếu thấy sai một cách mơ hồ thì cần hỗ trợ.
- ***Khi tiếp xúc với vật rồi khởi lên phi lý tác ý: “Chỉ có vật của ta mới êm như thế này” thì tâm tham ngã mạn sẽ khởi lên.***
 - Nếu cảm thấy tự hào, thích thú thì có thọ hỷ;

- Nếu thản nhiên, vô tư thì có thọ xả;
- Nếu ngã mạn khởi lên dễ dàng thì không cần hỗ trợ;
- Nếu ngã mạn khởi lên chậm chạp thì cần hỗ trợ.

▪ ***Khi tiếp xúc với vật mà khởi lên tác ý: Vật này thật đáng ghét thì tâm sân tức giận sẽ khởi lên.***

- Khởi lên dễ dàng là vô trợ;
- Khởi lên khó khăn là hữu trợ.

▪ ***Nếu phi như lý tác ý: Mong cho vật êm của người khác sớm tàn hoại thì tâm sân ganh tị sẽ khởi lên.***

- Ganh tị khởi lên dễ dàng là vô trợ;
- Ganh tị khởi lên khó khăn là hữu trợ.

▪ ***Nếu phi như lý tác ý: Mong rằng đừng ai có được vật êm như ta thì tâm sân bòn xén sẽ khởi lên.***

- Sân bòn xén khởi lên dễ dàng là vô trợ;
- Sân bòn xén khởi lên khó khăn là hữu trợ.

▪ ***Nếu phi như lý tác ý: Do dự, hoài nghi không biết vật này êm hay không... thì si hoài nghi sẽ khởi lên; hoặc tiếp xúc vật với tâm tán loạn, lang thang, không an tịnh thì si phóng dật sẽ khởi lên.***

Do phi như lý tác ý sinh nên tâm bất thiện sinh. Phi như lý tác ý là nhân, tâm bất thiện là quả.

Hỏi: Thế nào là như lý tác ý khi thân tiếp xúc với vật?

Đáp: Có 6 cách như lý tác ý hay tác ý đúng sự thật khi thân tiếp xúc với vật:

- Xúc này là sắc;
- Xúc này là xúc;
- Xúc này là vô thường;
- Xúc này là khổ;
- Xúc này là vô ngã;
- Xúc này là bất tịnh.

Khi được tác ý như vậy thì tâm đại thiện dục giới sẽ sinh khởi.

- Nếu hoan hỷ với vật thì có thọ hỷ;
- Không hoan hỷ thì có thọ xả;
- Nếu hiểu rõ về tính chất của vật thì hợp trí;
- Nếu không hiểu rõ tính chất của vật thì ly trí.

TÂM Ý XÚC:

Tâm ngũ môn, tâm tiếp xúc, tâm suy xét, tâm xác định, tâm đồng lực javana và tâm đăng ký đều được gọi là ý xúc vì chúng đều sinh lên từ sắc trái tim. Do sắc trái tim sinh nên ý xúc ngũ môn hướng tâm sinh. *Sắc trái tim là nhân, ý xúc ngũ môn hướng tâm là quả.*

Sắc trái tim Cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc) Tâm vương Tâm sở	}	Là nhân → Ý xúc là quả
---	---	--------------------------------------

Hỏi: Cảnh pháp là gì? Khi ý tiếp xúc với cảnh pháp, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm thiện, tác ý như thế nào thì sinh ra tâm bất thiện?

Đáp: Cảnh pháp bao gồm cả 5 cảnh: Sắc – thanh – hương – vị – xúc và nó xuất hiện ở ý môn:

- Khi sắc tác động vào nhãn thức thì nó cũng đồng thời tác động vào ý thức.

- Khi âm thanh tác động vào nhĩ thức thì nó cũng đồng thời tác động vào ý thức.

- Khi mùi tác động vào tỉ thức thì nó cũng đồng thời tác động vào ý thức.

- Khi vị tác động vào thiệt thức thì nó cũng đồng thời tác động vào ý thức.

- Khi vật tác động vào thân thức thì nó cũng đồng thời tác động vào ý thức.

- Khi ở trên *mắt – tai – mũi – lưỡi – thân* thì nó thuộc về lộ ngũ môn.

- Khi xuất hiện ở bhavanga trái tim thì nó thuộc lộ ý môn.

- Lộ ngũ môn chỉ bắt cảnh trong thời điểm hiện tại.

- Lộ ý môn thì bắt cảnh ở cả 3 thời:

- Quá khứ;

- Hiện tại;

- Tương lai.

Vì vậy khi ý tiếp xúc với cảnh pháp (một trong 5 cảnh):

- Nếu như lý tác ý thì tâm thiện sinh khởi;

- Nếu phi như lý tác ý thì tâm bất thiện sinh khởi.

Hỏi: Khi tâm tiếp xúc với cảnh gì thì sinh ra tâm thiện sắc giới?

Đáp: Khi ý thức tiếp xúc với một cảnh sắc thích hợp, có sự tác ý thích hợp và an trú trên cảnh sắc đó liên tục để đạt đến sự ly dục, ly ác pháp bất thiện pháp,... thì sẽ sinh khởi tâm thiền sắc giới.

Hỏi: Cảnh sắc như thế nào là thích hợp, thế nào là không thích hợp?

Đáp:

- Tâm ý tiếp xúc với một cảnh sắc khả ái khiến cho lòng dục tham sinh khởi là không thích hợp.
- Tâm ý tiếp xúc với một cảnh sắc đáng ghét khiến cho lòng sân sinh khởi là không thích hợp.
- Tâm ý tiếp xúc với một cảnh sắc không rõ ràng khiến cho lòng phóng dật, hoài nghi sinh khởi là không thích hợp.
- Khi tâm ý tiếp xúc với một cảnh sắc bất tịnh như xác chết, 32 thể trước... để chế ngự dục tham thì sẽ chứng được sơ thiền.
- Tâm ý tiếp xúc với một cảnh chúng sinh đáng thương mến giúp chế ngự được sân hận thì sẽ chứng được sơ thiền đến tam thiền.
- Tâm ý tiếp xúc với một cảnh an tịnh của tự nhiên như hơi thở vào ra và 10 kasiṇa thì sẽ chứng được sơ thiền đến tứ thiền.

Hỏi: Tác ý như thế nào là thích hợp, thế nào là không thích hợp?

Đáp:

- ***Khi tâm ý tiếp xúc với cảnh khả ái, hấp dẫn:***
 - Tác ý đến sự nguy hiểm của nó là tác ý thích hợp;
 - Tác ý đến sự đáng yêu của nó là tác ý không thích hợp.
- ***Khi tâm ý tiếp xúc với cảnh cao thấp của mình:***
 - Tác ý so sánh hơn thua là không thích hợp;
 - Tác ý về nghiệp sai biệt là thích hợp.
- ***Khi tâm ý tiếp xúc với cảnh đáng ghét:***
 - Tác ý đến mặt tốt của nó là thích hợp;
 - Tác ý đến mặt xấu của nó là không thích hợp.
- ***Khi tâm ý tiếp xúc với cảnh an vui của người khác:***
 - Tác ý sầu khổ là không thích hợp;
 - Tác ý hoan hỷ là thích hợp.
- ***Khi tâm ý tiếp xúc với cảnh sầu khổ:***
 - Tác ý cứu khổ là thích hợp;
 - Tác ý làm khổ là không thích hợp.
- ***Khi tâm ý tiếp xúc với cảnh cao thấp của chúng sinh:***
 - Tác ý đến sự vận hành của nghiệp là thích hợp;
 - Tác ý đến sự hơn thua, yêu ghét là không thích hợp.
- ***Khi tâm ý tiếp xúc với cảnh sắc an tịnh:***
 - Tác ý đến sự định tĩnh là thích hợp;
 - Tác ý đến sự tán loạn là không thích hợp.
- ***Khi tâm ý tiếp xúc với cảnh bất tịnh:***
 - Tác ý để nhàm chán cái tịnh là thích hợp;

- Tác ý để sợ hãi cái bất tịnh là không thích hợp.

Hỏi: Khi tâm ý tiếp xúc với cảnh như thế nào thì tâm thiên vô sắc giới sinh khởi?

Đáp: Khi tâm ý khởi lên tác ý nhằm chán đối với sắc thân, thấy sắc thân vật chất có nhiều sự nguy hiểm và mong muốn có trạng thái vô thân bằng cách vượt qua trạng thái của tâm thiên sắc giới, hướng tâm đến hư không vô biên và an trú chánh niệm. Khi tâm ý tiếp xúc với đối tượng hư không vô biên thì tâm thiên không vô biên xứ sinh khởi.

Rồi vượt qua hư không vô biên xứ, hướng đến thức vô biên xứ và an trú chánh niệm. *Khi tâm ý tiếp xúc với đối tượng là tâm của hư không vô biên thì tâm thiên vô sắc thức vô biên xứ sinh khởi.*

Rồi vượt qua thức vô biên xứ, hướng đến vô sở hữu xứ. *Khi tâm ý tiếp xúc với sự vắng mặt của tâm thiên không vô biên xứ thì tâm thiên vô sở hữu xứ sinh khởi.*

Rồi vượt qua vô sở hữu xứ, hướng đến phi tưởng phi phi tưởng xứ. *Khi tâm ý tiếp xúc với tâm của vô sở hữu xứ thì tâm thiên phi tưởng phi phi tưởng xứ sinh khởi.*

Hỏi: Khi tâm ý tiếp xúc với cảnh như thế nào thì phát sinh trí tuệ giác ngộ?

Đáp: Khi tâm ý tiếp xúc với đối tượng danh sắc chân đế, tác ý đến sự tập khởi, sự đoạn diệt của danh sắc thì sẽ phát sinh trí tuệ giác ngộ.

- Sự tập khởi là tác ý đến nhân duyên sinh ra danh

sắc.

- Sự đoạn diệt là tác ý đến sự vô thường – khổ – vô ngã của danh sắc.

Khi nào phát sinh nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ tham ái-chấp thủ vào danh sắc thì khi đó sẽ phát sinh chánh trí và chứng ngộ Niết Bàn.

Hỏi: Quán sáu xứ duyên cho xúc để làm gì?

Đáp: Để hiểu được nguồn gốc sinh ra các trạng thái tâm là do 6 căn tiếp xúc với 6 trần. Nếu thường tiếp xúc với cảnh cao thượng thì sẽ sinh tâm cao thượng, nếu thường tiếp xúc với cảnh hạ liệt thì cũng sinh tâm hạ liệt. Ví dụ:

- Thường tiếp xúc với người có chánh kiến thì mình cũng có chánh kiến; ngược lại nếu thường tiếp xúc với người có tà kiến thì mình cũng dễ sinh tâm tà kiến.

- Thường tiếp xúc với người có từ tâm, mình cũng sinh từ tâm; ngược lại nếu thường tiếp xúc với người có sân tâm thì mình cũng dễ sinh sân tâm.

- Nếu các căn thường tiếp xúc với những trần cảnh khả ái, hấp dẫn liên hệ đến dục thì dễ sinh ra tâm tham ái dính mắc vào cảnh trần.

- Nếu các căn thường tiếp xúc với những trần cảnh khó chịu, không ưa thích thì cũng dễ sinh tâm buồn phiền, tức giận.

Vì vậy, *quán 6 xứ duyên cho xúc là để biết cách thu thúc, giữ gìn sáu căn luôn giữ chánh niệm tỉnh giác trong khi tiếp xúc với sáu trần.*

6/ XÚC DUYÊN THỌ

PHASSPACCAYĀ VEDANĀ

Do xúc sinh nên thọ sinh.
Xúc là nhân, thọ là quả.

Bởi sự sinh của 6 loại xúc, 6 loại thọ sinh.

- Nhãn xúc: Mắt tiếp xúc với sắc sinh ra thọ;
- Nhĩ xúc: Tai tiếp xúc với âm thanh sinh ra thọ;
- Tỉ xúc: Mũi tiếp xúc với mùi sinh ra thọ;
- Thiệt xúc: Lưỡi tiếp xúc với vị sinh ra thọ;
- Thân xúc: Thân tiếp xúc với vật sinh ra thọ;
- Ý xúc: Ý tiếp xúc với pháp sinh ra thọ.

Có 5 loại thọ là:

- Thọ hỷ;
- Thọ ưu;
- Thọ xả;
- Thọ khổ;
- Thọ lạc.

Hỏi: Thế nào là xúc duyên cho thọ?

Đáp:

■ ***Khi mắt tiếp xúc với cảnh sắc:***

- Gặp cảnh ưa thích thì sinh thọ hỉ;
- Gặp cảnh chán ghét thì sinh thọ ưu;
- Gặp cảnh bình thường thì sinh thọ xả.

Do mắt tiếp xúc với cảnh sắc nên cảm thọ do nhãn xúc sinh sinh. *Mắt tiếp xúc với cảnh sắc là nhân, thọ do nhãn xúc sinh là quả.* Tất cả các thọ trong các tâm đi cùng với lộ nhãn thức như:

- Ngũ môn hướng tâm;
- Nhãn thức;
- Tiếp nhận;
- Suy xét;
- Xác định;
- Javana;
- Đăng ký;

đều thuộc về thọ sinh lên từ nhãn xúc. Cũng tương tự như vậy với nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

■ ***Khi tai tiếp xúc với âm thanh:***

- Gặp âm thanh ưa thích thì sinh thọ hỉ;
- Gặp âm thanh chán ghét thì sinh thọ ưu;
- Gặp âm thanh bình thường thì sinh thọ xả.

Bởi vì tai tiếp xúc với âm thanh nên cảm thọ do nhĩ xúc sinh sinh. *Tai tiếp xúc với âm thanh là nhân, thọ do nhĩ xúc sinh là quả.*

■ ***Khi mũi tiếp xúc với mùi:***

- Gặp mùi ưa thích thì sinh thọ hỉ;
- Gặp mùi chán ghét thì sinh thọ ưu;
- Gặp mùi bình thường thì sinh thọ xả.

Bởi mũi tiếp xúc với mùi hương nên cảm thọ do tỉ xúc sinh sinh. *Mũi tiếp xúc với hương là nhân, thọ do tỉ xúc sinh là quả.*

▪ **Khi lưỡi tiếp xúc với cảnh vị:**

- Gặp vị ưa thích thì sinh thọ hỉ;
- Gặp vị chán ghét thì sinh thọ ưu;
- Gặp vị bình thường thì sinh thọ xả.

Bởi lưỡi tiếp xúc với cảnh vị nên cảm thọ do thiệt xúc sinh sinh. *Lưỡi tiếp xúc với vị là nhân, thọ do thiệt xúc sinh là quả.*

▪ **Khi thân tiếp xúc với cảnh xúc:**

- Gặp vật ưa thích thì sinh thọ hỉ.
- Gặp vật chán ghét thì sinh thọ ưu.
- Gặp vật bình thường thì sinh thọ xả.

Bởi thân tiếp xúc với cảnh xúc nên cảm thọ do thân xúc sinh sinh. *Thân tiếp xúc với xúc là nhân, cảm thọ do thân xúc sinh là quả.*

▪ **Khi ý tiếp xúc với cảnh pháp:**

- Gặp pháp ưa thích thì sinh thọ hỉ.
- Gặp pháp chán ghét thì sinh thọ ưu.
- Gặp pháp bình thường thì sinh thọ xả.

Bởi ý tiếp xúc với cảnh pháp nên cảm thọ do ý xúc sinh sinh. *Ý tiếp xúc với pháp là nhân, cảm thọ do ý xúc sinh là*

quả.

Hỏi: Khi khởi lên tâm tham thì đi với cảm thọ gì?

Đáp: Tham có 2 cảm thọ:

- Tham thọ hỉ;
- Tham thọ xả.

Hỏi: Tại sao tâm tham lại có thọ hỉ và thọ xả?

Đáp: Tham là khao khát có được cái này cái kia:

- Khi đạt được rồi thì thích thú nên phát sinh thọ hỉ.
- Khi tiếp xúc nhiều lần rồi thì thấy nó bình thường nên phát sinh thọ xả.

Hỏi: Tâm sân khởi lên thì có cảm thọ gì?

Đáp: Tâm sân có 1 cảm thọ đó là thọ ưu.

Hỏi: Tại sao tâm sân lại có cảm thọ ưu?

Đáp: Sân là chán ghét cái này, cái kia. Khi phải tiếp xúc với cái chán ghét thì cảm giác buồn phiền, khó chịu vì chán ghét luôn đi với cảm giác phiền muộn nên sân lúc nào cũng có cảm thọ sầu ưu.

Hỏi: Khởi lên tâm si thì có cảm thọ gì?

Đáp: Tâm si có 1 cảm thọ là thọ xả.

Hỏi: Tại sao tâm si lại luôn đi kèm thọ xả?

Đáp: Vì si là tâm trí mê mờ, khi tiếp xúc với cảnh vật thì thấy cảnh không rõ ràng, minh bạch nên không biết đó là cảnh tốt hay xấu, đúng hay sai, nên vui hay nên buồn. Vì vậy nó sinh ra thọ xả.

Hỏi: Khi khởi lên tâm thiện thì có cảm thọ gì?

Đáp: Tâm thiện có 2 cảm thọ là *thọ hỉ* và *thọ xả*.

Hỏi: Tại sao tâm thiện lại có thọ hỉ và thọ xả?

Đáp:

- Khi tiếp xúc với cảnh có tác ý đúng đi kèm với sự hoan hỷ nên sinh khởi thiện tâm có thọ hỉ.
- Khi tiếp xúc với cảnh có sự tác ý đúng đi kèm với sự thản nhiên nên sinh khởi thiện tâm có thọ xả.

Hỏi: Nếu mình có dự định ngày mai sẽ đi gặp mặt nói chuyện với một người mà mình chưa từng gặp, nhưng hôm nay đã thấy trong lòng rất vui mừng và phấn khích thì thọ hỉ đó là do cái gì tiếp xúc với cái gì mà phát sinh?

Đáp: Đó là thọ do ý tiếp xúc với cảnh pháp mà phát sinh. Ý bắt cảnh sắc và thanh ở tương lai và phát sinh thọ hỉ. Do ý tiếp xúc với cảnh sắc và thanh tương lai nên thọ hỉ phát sinh. Ý tiếp xúc với cảnh tương lai là nhân, thọ hỉ là quả.

Hỏi: Khi mới gặp mặt người đó thì thấy vui, nhưng khi nói chuyện với người đó lại có cảm giác bình thường. Vậy đó là cảm thọ gì, do loại xúc gì sinh?

Đáp: Lần đầu thọ hỉ là do nhãn xúc sinh. Lần thứ hai là thọ xả là do nhĩ xúc sinh.

Hỏi: Sau buổi gặp mặt đó trở về, mỗi lần nhớ lại buổi nói chuyện đó đều cảm thấy khó chịu. Vậy cảm thọ đó

là gì, do tiếp xúc với cái gì mà phát sinh?

Đáp: Đó là thọ ưu do ý tiếp xúc với cảnh pháp mà phát sinh. Ý bắt cảnh âm thanh ở quá khứ mà sinh thọ ưu.

Hỏi: Khi có người mời mình tuần sau đi dự một bữa tiệc ở một nhà hàng cao cấp, mình cảm thấy rất vui khi nghĩ đến những món ăn ngon. Đó là thọ gì? Do tiếp xúc với cảnh gì mà phát sinh?

Đáp: Là thọ hỉ do ý tiếp xúc với cảnh vị ở tương lai mà phát sinh.

7/ THỌ DUYÊN ÁI

VEDANĀPACCAYĀ TAÑHĀ

Do thọ sinh, nên ái sinh.
Thọ là nhân, ái là quả.

Hỏi: Ái là gì?

Đáp: Ái là loại tâm ưa thích, dính mắc vào cảnh trần. Do sự thấy biết sai lầm (tà tri kiến), tưởng tri cảnh trần là khả ái, hấp dẫn, nên sinh lòng dục vọng, ái luyện, khao khát cảnh trần, khiến cho chúng sinh bị cuốn hút trong vòng luân hồi sinh tử khổ đau.

Có 6 loại tham ái được sinh lên từ 6 loại cảm thọ là:

- Sắc ái: Tham ái sắc;
- Thanh ái: Tham ái tiếng;
- Hương ái: Tham ái mùi;
- Vị ái: Tham ái vị;
- Xúc ái: Tham ái xúc chạm;
- Pháp ái: Tham ái pháp (cả 5 thứ trên).

Mỗi ái lại chia thành 3 loại:

- Dục ái;

- Hữu ái;
- Vô hữu ái.

Ví dụ:

- Một chúng sinh thấy cảnh sắc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, hấp dẫn, liên hệ đến lòng tham dục thì được gọi là dục ái.

- Một chúng sinh có tà kiến cho rằng cảnh sắc là thường, sau khi chết vẫn còn hưởng thụ được sắc thì được gọi là hữu ái.

- Một chúng sinh có tà kiến cho rằng chết rồi là hết, sắc sẽ chấm dứt, do sự dính mắc vào tà kiến như vậy thì gọi là vô hữu ái.

Cũng tương tự như vậy với thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

Hỏi: Thế nào là thọ duyên ái?

Đáp: Khi mắt tiếp xúc với một cảnh sắc hấp dẫn rồi sinh ra cảm thọ dễ chịu, ưa thích, rồi thích thú ái luyến đối với sắc, thì đó được gọi là thọ duyên ái.

▪ ***Bởi thọ do nhãn xúc sinh sinh, nên tham ái với cảnh sắc sinh. Thọ do nhãn xúc sinh là nhân, tham ái với cảnh sắc là quả.***

- Dục ái với sắc: Ưa thích sắc đẹp;
- Hữu ái với sắc: Khi chết vẫn còn linh hồn để hưởng sắc;
- Phi hữu ái với sắc: Chết rồi là hết, nên phải hưởng sắc khi còn sống.

▪ ***Bởi sự sinh của cảm thọ do nhĩ xúc sinh sinh, nên tham ái với âm thanh sinh. Cảm thọ do nhĩ xúc sinh là nhân, tham ái với âm thanh là quả.***

• Dục ái với thanh: Ưa thích âm thanh khả ái, hấp dẫn;

• Hữu ái với thanh: Cho rằng âm thanh còn mãi;

• Phi hữu ái với thanh: Chết là hết, không còn tồn tại âm thanh gì nữa.

▪ ***Bởi sự sinh của cảm thọ do tỉ xúc sinh sinh, nên tham ái với mùi sinh. Cảm thọ do tỉ xúc sinh là nhân, tham ái với mùi hương là quả.***

• Dục ái với mùi: Ưa thích sự khả ái, hấp dẫn của mùi;

• Hữu ái với mùi: Mùi sẽ tồn tại mãi, tức là linh hồn sẽ còn mãi mãi để hưởng mùi;

• Phi hữu ái với mùi: Chết là hết, nên phải tranh thủ mà hưởng mùi.

▪ ***Bởi sự sinh của cảm thọ do thiệt xúc sinh sinh, nên tham ái với vị sinh. Cảm thọ do thiệt xúc sinh là nhân, tham ái với vị là quả.***

• Dục ái với vị: Ưa thích vị ngon;

• Hữu ái với vị: Vị ngon còn mãi mãi, tức là chết rồi vẫn còn ăn được;

• Phi hữu ái với vị: Chết rồi là hết, còn sống ngày nào thì phải tranh thủ ngày đó mà ăn.

▪ ***Bởi sự sinh của cảm thọ do thân xúc sinh sinh, nên tham***

ái với xúc chạm sinh. Cảm thọ do thân xúc là nhân, tham ái với xúc chạm là quả.

- Dục ái với xúc: Ưa thích xúc chạm êm ái;
- Hữu ái với xúc: Xúc chạm êm ái sẽ còn mãi, chết rồi vẫn còn linh hồn để xúc chạm;
- Phi hữu ái với xúc: Chết là hết, còn sống ngày nào thì phải tranh thủ xúc chạm.

▪ **Bởi sự sinh của cảm thọ do ý xúc sinh sinh, nên tham ái với cảnh pháp sinh. Cảm thọ do ý xúc sinh là nhân, tham ái với cảnh pháp là quả.**

- Dục ái với pháp: Ưa thích đối với cảnh ngũ dục;
- Hữu ái với pháp: Chết rồi vẫn còn linh hồn để hưởng thụ ngũ dục;
- Phi hữu ái với pháp: Chết rồi là hết, nên phải tranh thủ hưởng thụ ngũ dục khi còn sống.

Hỏi: Khi 6 căn tiếp xúc với 6 trần, gặp cảnh không ưa thích nên phát sinh thọ ưu, khó chịu, thì cảm thọ đó làm duyên cho ái gì sinh?

Đáp: Tâm sân sinh lên khi có cảnh bất lợi cho mình hoặc cho những người mình yêu quý, những thứ mình yêu quý.

Vì có tham ái với mình, với những người, những thứ mình yêu quý đó, nên mới sinh tâm sân. Bởi vậy, vì thọ ưu sinh, nên tham ái sinh. Thọ ưu là nhân, tham ái với mình hoặc với người mình yêu quý hoặc với những vật mình yêu quý là quả.

Hỏi: Khi 6 căn tiếp xúc với cảnh trần với tâm trạng thản nhiên, phát sinh thọ xả thì thọ duyên ái như thế nào?

Đáp: Đối với bậc đã hết phiền não thì tâm thức thản nhiên với tất cả cảnh trần luôn đi với thọ xả và không sinh khởi tham ái.

Còn đối với phàm phu và hữu học, khi 6 căn tiếp xúc với 6 trần, tâm thức thản nhiên sinh thọ xả vì cảnh trần đã trở nên quá quen thuộc thì vẫn sinh ra dục ái, hữu ái hoặc phi hữu ái một cách thản nhiên.

Hỏi: Một người ưa thích tiền thì thuộc về tham ái cảnh gì?

Đáp: Tiền có thể mua được cả 5 thứ dục sắc – thanh – hương – vị – xúc, nên ưa thích tiền là tham ái ngũ dục. Tham ngũ dục thì sẽ khổ vì dục.

Hỏi: Khi bị người khác mắng chửi, mình khởi lên tức giận thì có cảm thọ gì? Do loại xúc gì sinh? Sinh với tâm gì? Thọ đó làm duyên cho tham ái với cái gì?

Đáp: Đó là thọ ưu; thọ do nhĩ xúc sinh sinh cùng với tâm sân. Thọ ưu đó làm duyên cho sự tham ái với cái thân 5 uẩn yêu quý này.

Do thọ ưu sinh, nên tham ái với 5 uẩn sinh. Thọ ưu là nhân, tham ái với 5 uẩn là quả (ái 5 uẩn thì khổ vì 5 uẩn).

Hỏi: Khi có người thân qua đời, mình thường than khóc thảm thiết thì có thọ gì? Do loại xúc gì sinh? Sinh với tâm gì? Thọ đó làm duyên cho tham ái với cái gì?

Đáp: Đó là thọ ưu.

- Sâu ưu khi nhìn là *thọ do nhãn xúc sinh*;
- Sâu ưu khi nghe người khác khóc là *thọ do nhĩ xúc sinh*;
- Sâu ưu khi tưởng nhớ lại người thân là *thọ do ý xúc sinh*, sinh cùng với tâm sân;

Thọ đó trợ duyên cho sự dính mắc với 5 uẩn của người thân. Do thọ ưu sinh, nên sự tham ái với 5 uẩn của người thân sinh. *Thọ ưu là nhân, sự dính mắc với người thân là quả.* → *Ái người thân thì khổ vì người thân.*

Hỏi: Tại sao nổi nhớ lại đi kèm với tâm sân?

Đáp: Nổi nhớ sinh ra từ tham ái, tham ái mà không được thỏa mãn thì sinh ra sâu ưu hay sân. Đó là sân vì không được toại ý.

Hỏi: Một người khi nghe giảng Phật Pháp nói có cõi chư Thiên, có cõi địa ngục thì người đó khởi tâm hoài nghi, không biết những cõi đó có thật hay không. Như vậy thì có thọ gì? Sinh cùng với tâm gì? Do loại xúc gì sinh? Trợ duyên cho tham ái cái gì?

Đáp: Đó là thọ xả; thọ do nhĩ xúc sinh, sinh cùng với tâm si hoài nghi; trợ duyên cho tâm phi hữu ái, tham ái với sự không hiện hữu của các cõi hóa sinh. Ái phi hữu ái là tà kiến sâu nặng nhất, thì sẽ khổ lâu dài trong địa ngục.

Hỏi: Khi có người thân qua đời, mọi người thường tổ chức tế lễ rất trọng thể, cung cấp cho người chết đủ những thứ cần dùng, họ rất thành tâm và hoan hỷ về

điều đó, thì đó là thọ gì? Đi cùng với tâm gì? Do loại xúc gì sinh? Trợ duyên cho tham ái với cái gì?

Đáp: Đó là thọ hỷ sinh cùng với tâm tham tà kiến; thọ do ý xúc sinh; trợ duyên cho tâm hữu ái, tham ái với sự hiện hữu của linh hồn. → *Ái hữu ái thì sẽ khổ vì mê tín dị đoan.*

Hỏi: Có người nghĩ rằng: “Kiếp sau xin chớ làm người, làm cây thông đứng giữa trời mà reo”. Đó là thọ gì? Sinh cùng với tâm gì? Làm duyên cho ái gì?

Đáp: Là thọ xả; sinh với tâm si; do ý xúc sinh; làm duyên cho tham ái với phi hữu ái, vì nghĩ rằng chết rồi sẽ trở thành vật chất.

Hỏi: “Có người thấy một đứa trẻ lang thang đi ăn xin thì cảm thấy thương hại liền cho nó tiền. Khi được tiền, đứa trẻ rất vui, người cho cũng cảm thấy vui. Lúc sau thấy nó mang tiền đó đi chơi cờ bạc, làm việc xấu, người cho cảm thấy hối hận. Khi hết tiền, nó lại đến xin nữa, thì ra vẻ lạnh lùng không cho nữa. Những lần sau nhìn thấy nó đi lang thang thì cảm thấy bình thường vì biết rằng tự nó làm khổ nó.” Vậy đó là thọ gì? Sinh với tâm gì? Do loại xúc gì sinh? Trợ duyên cho tham ái với cái gì?

Đáp:

- Lần thứ nhất là thọ hỷ, sinh cùng với tâm bi. Thọ do nhãn xúc sinh, trợ duyên cho tâm tham ái với cảnh sắc đứa trẻ.

- Lần thứ hai là thọ hỷ, sinh cùng với tâm hỷ thiện

dục giới. Thọ do nhãn xúc sinh. Trợ duyên cho tham ái cảnh sắc đứa trẻ.

- Lần thứ ba là thọ ưu, sinh cùng với tâm sân hối hận. Trợ duyên cho tham ái với chính mình.

- Lần thứ tư là thọ xả, sinh cùng với tâm tham ngã mạn. Trợ duyên cho tham ái với chính mình.

- Lần thứ năm là thọ xả, sinh cùng với tâm thiện dục giới. Trợ duyên cho tham ái chung chung, bình đẳng với tất cả những ai đang bị nghiệp chi phối.

Hỏi: Đang đi trong rừng mà trông thấy một con cọp, sợ quá rùn hết chân tay, thì có cảm thọ gì? Làm duyên cho ái gì?

Đáp: Đó là sợ hãi đi kèm với thọ ưu, thọ do nhãn xúc sinh, trợ duyên cho tham ái với mạng sống. Do thọ ưu sinh, tham ái mạng sống sinh. Thọ ưu là nhân, ái mạng sống là quả. Ái mạng sống thì sẽ cố chịu khổ để bảo vệ mạng sống.

Hỏi: Khi nhìn kĩ thì không phải cọp, mà chỉ là đồng đất giống hình con cọp, thì có thọ gì? làm duyên cho ái gì?

Đáp: Là thọ hỉ, do nhãn xúc sinh, làm duyên cho tham ái với mạng sống. Do thọ hỉ sinh, nên ái mạng sống sinh. Thọ hỉ là nhân, ái mạng sống là quả. Ái mạng sống sẽ rất khổ khi mạng sống bị đe dọa.

Hỏi: Lần sau đi qua khu rừng đó thì nhìn đồng đất hình con cọp một cách thân nhiên, thì thọ duyên cho ái gì?

Đáp: Là thọ xả trợ duyên cho tham ái với mạng sống.

Do thọ xả sinh, nên ái mạng sống sinh. Thọ xả là nhân, ái mạng sống là quả.

Hỏi: Tại sao thọ hỷ, thọ ưu và thọ xả đều làm nhân cho ái mạng sống?

Đáp:

- Thọ ưu trợ duyên khi ái bị đe dọa;
- Thọ hỷ trợ duyên khi ái được toại ý;
- Thọ xả trợ duyên khi ái diễn ra bình thường.
- Ái đi với ưu thì khổ vì ưu;
- Ái đi với hỷ thì khổ vì hỷ;
- Ái đi với xả thì khổ vì xả.

Hỏi: Một cặp nam nữ ái luyện nhau: Khi gặp nhau thì hỷ. Khi xa nhau thì ưu. Khi ở với nhau thì xả. Khi xa lìa thì lại thọ ưu. Như thế là thọ duyên cho ái gì?

Đáp: Do thọ sinh, nên ái sắc – thanh – hương – vị – xúc của nam – nữ sinh. Thọ là nhân, ái sắc – thanh – hương – vị – xúc của nam – nữ là quả.

Hỏi: Có người nghĩ rằng: “Chết rồi là hết” nên cứ thản nhiên hưởng thụ ngũ dục: Sắc – thanh – hương – vị – xúc. Thì có thọ gì? Sinh với tâm gì? Do loại xúc gì sinh? Tham ái với cái gì?

Đáp: Là thọ xả; sinh cùng với tâm tham tà kiến; thọ do ý xúc sinh; trợ duyên cho tham ái với dục ái và phi hữu ái, vì cho rằng chết là hết. Một loại tà kiến cố định cho quả tái sinh vào đại địa ngục.

Hỏi: Có người đi chùa cúng dàng Tam Bảo với tâm hoan hỷ và phát nguyện: “*Do sự phước báu cúng dường này, cầu mong cho con kiếp sau sinh làm người, gặp được chánh pháp và tu hành chứng đắc Niết Bàn*”. Vậy đó là thọ gì? Sinh cùng với tâm gì? Do loại xúc gì sinh? Trợ duyên cho tham ái với cái gì?

Đáp: Đó là thọ hỷ; sinh cùng với tâm thiện dục giới; thọ do ý xúc sinh; trợ duyên cho tham ái được sinh trở lại làm người, tu chứng Niết Bàn ở tương lai.

→ *Ái người tu sẽ chấp nhận nỗi khổ của người tu.*

Hỏi: Có người nhàm chán sự đời ở cõi Dục Giới, nên chuyên tâm tu tập thiền định, chứng đắc các tầng thiền sắc giới và nguyện sinh về sống ở cõi Phạm Thiên. Thì đó là thọ gì? Thọ do loại xúc gì sinh? Sinh cùng với tâm gì? Trợ duyên cho tham ái cái gì?

Đáp:

- Nếu chứng sơ thiền, nhị thiền thì là thọ hỷ;
- Tam thiền thì là thọ lạc;
- Tứ thiền thì là thọ xả.

Thọ sinh cùng với tâm thiền sắc giới; thọ do ý xúc sinh; trợ duyên cho tâm hữu ái, tham ái với sự hiện hữu lâu dài ở cõi Phạm Thiên.

Hỏi: Có người nhàm chán cái sắc thân vật chất này vì nó có quá nhiều nỗi khổ đau, nguy hiểm, nên chuyên tâm thực hành thiền định, chứng đắc thiền vô sắc giới. Vậy có thọ gì? Đi với tâm gì? Do loại xúc gì sinh? Tham

ái với cái gì?

Đáp: Đó là thọ xả, sinh cùng với tâm vô sắc; thọ do ý xúc sinh; trợ duyên cho tham ái với cõi Phạm Thiên Vô Sắc.

Hỏi: Có người nhầm chán cái tâm thức này vì nó có quá nhiều lăng xăng, phiền muộn, nên chuyên tâm tu tập thiền định, chứng đắc tứ thiền với ước muốn sinh về cõi không có tâm. Thì đó là thọ gì? Sinh với tâm gì? Do loại xúc gì sinh? Trợ duyên cho tham ái cái gì?

Đáp: Là thọ xả, sinh với tâm thiền sắc giới; thọ do ý xúc sinh; trợ duyên cho tham ái với cõi Phạm Thiên Vô Tướng.

Hỏi: Có người nhầm chán nỗi khổ đau sinh tử, chuyên tâm thực hành giới – định – tuệ, chứng đắc tứ Thánh đạo – tứ Thánh quả. Thì đó là thọ gì? Sinh cùng với tâm gì? Thọ Do loại xúc gì sinh? Tham ái với cái gì?

Đáp: Đó là thọ xả, sinh cùng với tâm siêu thế; là thọ do ý xúc sinh. Thọ xả ở tâm quả siêu thế không trợ duyên cho tham ái. Vì tham ái không sinh khởi, nên khổ đau được đoạn trừ, chấm dứt luân hồi trong tam giới. Hết tham ái thì hết khổ.

Hỏi: Tại sao phải quán thọ duyên ái ?

Đáp: Vì ái là nguyên nhân của khổ đau sinh tử. Muốn giải thoát khổ đau thì phải diệt được tham ái. Muốn diệt tham ái thì phải diệt từ cái nhân sinh ra nó. Vì vậy phải quán thọ duyên ái để diệt trừ sự chấp thủ vào thọ thì ái sẽ được diệt trừ.

8/ ÁI DUYÊN THỦ

TAÑHĀPACCAYĀ UPĀDĀNAM

Do tham ái sinh nên chấp thủ sinh.
Tham ái là nhân, chấp thủ là quả.

Có 6 loại ái:

- Sắc ái: Tham ái hình sắc;
- Thanh ái: Tham ái âm thanh;
- Hương ái: Tham ái mùi;
- Vị ái: Tham ái vị;
- Xúc ái: Tham ái xúc;
- Pháp ái: Tham ái pháp.

Có 4 loại thủ:

- Dục thủ: Chấp thủ với cảnh ngũ dục;
- Tà kiến thủ: Chấp thủ vào tà kiến, ví dụ: Không tin nghiệp và quả của nghiệp,...
- Giới cấm thủ: Chấp thủ vào các pháp môn khổ hạnh mê tín;
- Ngã chấp thủ:
 - Chấp thủ có một linh hồn bất tử;

- Chấp thủ có đấng tạo hóa ra vạn vật;
- Chấp thủ 5 uẩn này là ta, của ta, là tự ngã của ta.

Ái = tham tà kiến: Vì hiểu sai sự thật nên tham ái.

Thủ = tham tà kiến: Không phải sự thật mà cố chấp cho là sự thật thì là chấp thủ.

Ái duyên thủ là từ lòng tham ái trở thành chấp thủ. Như khi khởi lên tâm tham ái với ngũ dục thì là dục ái. Lòng tham ái đó khởi lên nhiều lần thì trở thành dục thủ. Vì vậy do tham ái sinh nên chấp thủ sinh. *Tham ái là nhân, chấp thủ là quả.*

Hỏi: Có người nghĩ rằng sát sinh không có tội nên họ thản nhiên sát sinh để hưởng thụ món ăn ngon từ thịt của chúng sinh. Như vậy là chấp thủ cái gì?

Đáp: Vì tham ái với vị ngon đi kèm với chấp thủ tà kiến không có quả của nghiệp nên mới sát sinh. Tham ái hưởng thụ vị ngon là nhân, chấp thủ tà kiến cho rằng sát sinh không có tội là quả. Sự thật thì sát sinh là một tội lớn, mắc quả báo lớn.

Hỏi: Có người thích lấy trộm tài sản của người khác, họ chỉ sợ đi tù chứ không sợ vào địa ngục là nguyên nhân gì?

Đáp: Do tham ái tài sản đi kèm với chấp thủ tà kiến chỉ có nhà tù chứ không có địa ngục nên mới đi ăn trộm. Tham ái lấy trộm tài sản là nhân, chấp thủ tà kiến cho rằng không có địa ngục là quả. Sự thật thì địa ngục còn khổ hơn nhà tù.

Hỏi: Có người phạm tội tà dâm. Họ chỉ sợ bị đánh ghen chứ không sợ quả báo là nguyên nhân gì?

Đáp: Do tham ái sắc dục đi kèm chấp thủ tà kiến cho rằng không có nghiệp quả là nhân, phạm tà dâm mà không sợ quả báo là quả. Sự thật thì tà dâm là một tội lớn, chịu quả báo lớn.

Hỏi: Có người nói dối để được lợi ích từ người khác, chỉ sợ người khác biết mình nói dối chứ không sợ phạm tội nói dối là nguyên nhân gì?

Đáp: Vì tham ái với lợi ích của bản thân đi kèm với chấp thủ cho rằng nói dối không có tội nên cố tình nói dối. Tham ái với lợi ích bản thân là nhân, chấp thủ tà kiến cho rằng nói dối không có tội là quả. Sự thật thì nói dối cũng là một tội nặng.

Hỏi: Có người uống rượu lâu ngày thành nghiện rượu. Khi say rượu rồi thì không còn biết xấu hổ, tội lỗi hay sợ hãi tội lỗi gì nữa là nguyên nhân gì?

Đáp: Do tham ái với mùi vị của rượu và chấp thủ tà kiến cho rằng: Tội lỗi không có gì đáng phải sợ hãi, ghê sợ. Tham ái với mùi vị của rượu là nhân, chấp thủ tà kiến cho rằng tội lỗi không có gì đáng phải sợ hãi, ghê sợ là quả. Sự thật thì tội lỗi là đáng ghê sợ, đáng xấu hổ.

Hỏi: Có một số người thường có suy nghĩ rằng những người xung quanh ta phần lớn là người xấu: Họ đã làm hại ta, đang làm hại ta hoặc sẽ làm hại ta, cho nên

thường hay tức giận với mọi người là nguyên nhân gì?

Đáp: Do tham ái quá nặng với bản thân cho nên luôn lo lắng bảo vệ bản thân rồi suy nghĩ tiêu cực về người khác đang có ý làm hại mình. Vì tham ái với bản thân nên chấp thủ ngã kiến phải nổi sân với người khác để bảo vệ bản thân. Tham ái với bản thân là nhân, chấp thủ ngã kiến bảo vệ bản thân là quả. Sự thật thì thân này là vô ngã, nó chẳng phải của ta thì việc gì phải sân hận.

Hỏi: Tại sao có người lúc nào cũng muốn phải thành công hơn người khác nên khi thấy người khác được thành công thì khởi lên tâm tức bực khó chịu?

Đáp: Vì tham ái với bản ngã của mình quá lớn nên sinh ra chấp thủ vào bản ngã, muốn ngã mình phải hơn ngã người khác, nên khi thấy người khác thành công thì khó chịu. Tham ái với bản ngã là nhân, chấp thủ bản ngã phải hơn người là quả. Sự thật thì bản ngã của ta với người đều là giả tạm chẳng có sự hơn thua.

Hỏi: Tại sao có người khi có nhiều tài sản, danh vọng, quyền lực thì chỉ muốn giữ cho riêng mình không muốn chia sẻ với ai?

Đáp: Vì quá tham ái với tài sản, danh vọng, quyền lực nên sinh ra chấp thủ, chỉ muốn giữ nó cho riêng mình mà không muốn chia sẻ với ai. Tham ái tài sản, danh vọng, quyền lực là nhân, chấp thủ cho riêng mình là quả. Sự thật thì tài sản, danh vọng, quyền lực chỉ là hư vọng, chẳng thể giữ gìn mãi được.

Hỏi: Tại sao có người khi làm một việc gì đó mà không thành tựu thì sinh tâm buồn phiền, khó chịu, ăn không ngon, ngủ không yên?

Đáp: Vì tham ái với một việc gì đó rồi sinh ra chấp thủ muốn có được thứ đó, nhưng khi không đạt được thì sinh ra thất vọng, buồn phiền, hối hận. Tham ái với một việc gì đó là nhân, chấp thủ phải có được thứ đó là quả. Sự thật thì muốn được cái gì cũng phải tạo nhân, không tạo nhân mà chỉ mong hưởng quả thì chỉ suốt đời thất vọng.

Hỏi: Tại sao có người siêng năng làm phước thiện với ước muốn được làm người có sức khỏe sống lâu, an vui, sắc đẹp?

Đáp: Vì người đó tham ái với tự ngã và những niềm vui ở cõi người nên làm phước thiện và ước nguyện có được thứ mình mong muốn. Vì tham ái với những niềm vui ở cõi người là nhân, chấp thủ cho rằng những niềm vui đó là thật rồi cố gắng làm phước thiện để cầu mong có nó là quả. Sự thật thì cõi người này vui ít, khổ nhiều, sự nguy hiểm lại nhiều hơn.

Hỏi: Có người suy nghĩ niềm vui ở cõi người thật ngắn ngủi, giả tạm, lạc thú ở cõi trời mới cao quý nên siêng năng làm phước thiện và phát nguyện sinh về cõi Thiên giới là do nguyên nhân gì?

Đáp: Vì tham ái với lạc thú ở cõi trời nên tạo phước là nhân, chấp thủ cho rằng niềm vui đó mới quý báu là quả. Sự thật thì lạc thú ở cõi trời cũng chẳng có gì cao

quý, hưởng hết phước rồi lại đọa xuống cõi khổ đau.

Hỏi: Có người cho rằng cõi Thiên giới là cõi vĩnh hằng, muốn sinh về đó thì phải cầu xin vị chúa tể ở cõi đó cho về mới được về là nguyên nhân gì?

Đáp: Do tham ái đi kèm với chấp thủ tà kiến cho rằng có cõi sống vĩnh hằng nên tha thiết cầu nguyện được sinh về đó. Tham ái cõi sống vĩnh hằng rồi tha thiết cầu nguyện là nhân, chấp thủ tà kiến cho rằng có cõi vĩnh hằng thật là quả. Sự thật thì chẳng có cõi nào vĩnh hằng cả, còn sinh ra thì còn phải chết đi.

Hỏi: Có người nghĩ rằng người chết rồi vẫn còn linh hồn tồn tại nên người sống phải lập bàn thờ và cúng bái cho người chết được ăn là do nguyên nhân gì?

Đáp: Do tham ái người thân đã chết nên chấp thủ tà kiến cho rằng người chết vẫn còn linh hồn tồn tại và sinh hoạt như người sống. Tham ái với người thân đã chết nên cúng bái cho họ ăn là nhân, chấp thủ tà kiến cho rằng họ vẫn tồn tại và ăn uống được là quả. Sự thật thì người chết sẽ tái sinh về các cõi khác nhau tùy theo nghiệp, cúng bái chỉ là tục lệ chứ chẳng có ai dùng.

Hỏi: Đa số mọi người cứ đến tuổi trưởng thành trên dưới 20 tuổi là sẽ kết hôn với một người khác phái, rồi sinh con cái và chung sống suốt đời với nhau. Họ cho rằng như vậy là hạnh phúc. Đó là do nguyên nhân gì?

Đáp: Do tham ái với sắc – thanh – hương – vị – xúc với người khác phái nên cứ đến tuổi trưởng thành là đa số

mọi người kết hôn và xây dựng gia đình, vì họ chấp thủ cho rằng phải có gia đình mới hạnh phúc. Tham ái với người khác phái rồi đi xây dựng gia đình là nhân, chấp thủ rằng có gia đình mới hạnh phúc là quả. Sự thật thì gia đình là ổ dịch của những khổ đau-bất hạnh.

Hỏi: Có một số người thích đi cầu cúng, tế lễ để cầu xin các vị thần linh ban tài phát lộc cho bản thân và gia đình là chấp thủ cái gì?

Đáp: Do tham ái hưởng thụ tài lộc đi kèm với chấp thủ tà kiến cho rằng *thần linh thiêng liêng phù hộ* nên khiến cho một người thích tế lễ cầu xin thần thánh ban phát cho tài lộc. Do tham ái tài lộc sinh, nên chấp thủ tà kiến cho rằng có *thần linh ban cho tài lộc* sinh. Tham ái với tài lộc là nhân, chấp thủ vào tà kiến cho rằng *có đấng ban cho tài lộc* là quả. Sự thật thì tài lộc là do thiện nghiệp chín mùi cho quả. Các đấng thần linh cũng có quả của nghiệp như mình.

Hỏi: Tại sao có người nhàm chán tất cả sự vui buồn, khổ lạc ở cõi nhân - Thiên nên siêng năng thực hành thiền định chỉ với mục đích được sinh về cõi Phạm Thiên?

Đáp: Vì tham ái với cuộc sống an lạc ở cõi Phạm Thiên, nên sinh ra chấp thủ vào sự an lạc của Phạm Thiên. Tham ái với Phạm Thiên và thực hành thiền định với mục đích sinh về Phạm Thiên là nhân, chấp thủ tà kiến cho rằng *cõi Phạm Thiên thực sự an lạc* là quả. Thực sự thì cõi Phạm Thiên dù có thọ mạng và sự an lạc lâu dài nhưng khi

năng lực của thiên định hết thì cũng vẫn còn phải đọa đày trong sinh tử.

Hỏi: Có tham ái nào mà không sinh ra chấp thủ không?

Đáp: Tham ái ở mức độ thấp thì không sinh ra chấp thủ.

Ví dụ: Một người ngắm trăng đẹp, có ưa thích với trăng, nhưng không có chấp thủ trăng là tôi, của tôi, là tự ngã của tôi. Vì vậy tham ái ở mức độ yếu thì sẽ không sinh ra chấp thủ.

Hỏi: Tại sao có người có tham ái mạnh, có người có tham ái yếu?

Đáp: Người có tà kiến mạnh thì có tham ái mạnh. Người có tà kiến yếu thì có tham ái yếu. Người có chánh kiến mạnh thì có tham ái yếu. Người có chánh kiến yếu thì có tham ái mạnh.

Hỏi: Tại sao ái lại là nhân của khổ đau?

Đáp: Vì ái tạo ra sự dính mắc, bám víu vào cảnh trần, vào các pháp hữu vi. Cảnh trần hay các pháp hữu vi thì luôn luôn sinh diệt. Vì vậy, còn tham ái thì còn phải chịu sự sinh diệt, tức là còn phải sinh ra và chết đi. Sinh ra và chết đi là khổ. Vì thế ái chính là khổ tập Thánh đế hay nguyên nhân của khổ.

Hỏi: Có người nhàm chán tất cả sự tái sinh trong tam giới nên đi xuất gia thực hành *giới - định - tuệ* rồi chứng đắc tứ Thánh đạo, tứ Thánh quả, Niết Bàn là do

nguyên nhân gì?

Đáp: Do vị đó nhằm chám sự luân hồi sinh tử và thực hành giới - định - tuệ nên đoạn trừ được tham ái: Dục ái, hữu ái, phi hữu ái với sắc - thanh - hương - vị - xúc - pháp. Vì tham ái được đoạn trừ nên 4 loại chấp thủ gồm *dục thủ - tà kiến thủ - giới cấm thủ - chấp ngã thủ* đều được đoạn trừ. *Do tham ái-chấp thủ được đoạn trừ nên vị ấy chấm dứt khổ đau, giải thoát luân hồi trong tam giới.*

9/ THỦ DUYÊN HỮU

UPĀDĀNA PACCAYĀ BHAVO

Vì chấp thủ sinh nên nghiệp hữu sinh.
Chấp thủ là nhân, nghiệp hữu là quả.

- **Upādāna – Chấp thủ có bốn loại:**
 - Dục thủ;
 - Tà kiến thủ;
 - Giới cấm thủ;
 - Ngã chấp thủ.
- **Bhavo – Hữu: là sự hiện hữu. Hữu có 2 loại:**
 - Nghiệp hữu: Là nhân của sự tái sinh;
 - Sinh hữu: Là sự tái sinh.

Các thiện nghiệp và ác nghiệp được tạo tác trong đời này với ước nguyện cho kiếp tương lai được gọi là nghiệp hữu. Đây là nhân của sự tái sinh, là nhân để sinh lên các tâm quả hiệp thế và các sắc do nghiệp sinh. Các tâm quả hiệp thế và sắc do nghiệp sinh đó được gọi là sinh hữu.

Hỏi: Có bao nhiêu nghiệp hữu? Có bao nhiêu sinh hữu? Chúng được trợ duyên bởi những chấp thủ gì?

Đáp:

- Có nghiệp hữu thuộc về dục giới;
- Có nghiệp hữu thuộc về sắc giới;
- Có nghiệp hữu thuộc về vô sắc giới;
- Có sinh hữu thuộc về dục giới;
- Có sinh hữu thuộc về sắc giới;
- Có sinh hữu thuộc về vô sắc giới;
- Có chấp thủ thuộc về dục giới;
- Có chấp thủ thuộc về sắc giới;
- Có chấp thủ thuộc về vô sắc giới.

Do chấp thủ sinh nên nghiệp hữu và sinh hữu sinh.

Chấp thủ là nhân, nghiệp hữu và sinh hữu là quả.

Nghiệp hữu thuộc về dục giới có 2 loại: *Thiện và bất thiện.*

- Nghiệp hữu bất thiện: Có 12 tâm bất thiện sẽ để lại nghiệp hữu và sinh hữu đó là 8 tâm tham, 2 tâm sân và 2 tâm si.
- Nghiệp hữu thiện dục giới: Có 8 tâm đại thiện dục giới sẽ để lại nghiệp hữu và sinh hữu.
- Nghiệp hữu sắc giới là từ 5 tâm thiện sắc giới.
- Nghiệp hữu vô sắc giới là từ 4 tâm thiện vô sắc giới.

Hỏi: Thế nào là thủ duyên hữu?

Đáp:

1. Khi một người chấp thủ tà kiến rằng: Không có

nghiệp và quả của nghiệp nên vị đó tạo những ác nghiệp như: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu... Những ác nghiệp đó được gọi là nghiệp hữu Kamma-bhava. Những nghiệp hữu đó khi có đủ duyên sẽ trở thành sinh hữu tái tục vào những cõi khổ như: Địa ngục, ngã quý, súc sinh, A tu la, thì được gọi là sinh hữu.

Do thấp thủ tà kiến nên tạo các nghiệp hữu bất thiện.
Chấp thủ tà kiến là nhân, tạo nghiệp hữu bất thiện là quả.

2. Khi một người chấp thủ phước báu ở cõi người như mạnh khỏe, giàu sang, sống lâu, sắc đẹp nên tạo các thiện nghiệp như: Bố thí, giữ giới, phục vụ,... rồi phát nguyện được hưởng những phước báu đó. Những thiện nghiệp này sẽ trở thành nghiệp hữu, khi đủ duyên sẽ trở thành sinh hữu cho quả tục sinh ở cõi người và hưởng phước báu.

Do chấp thủ phước báu ở cõi người nên tạo nghiệp hữu thiện dục giới.
Chấp thủ phước báu cõi người là nhân, tạo nghiệp hữu thiện dục giới là quả.

3. Khi có người chấp thủ vào phước báu ở các cõi trời nên tạo thiện nghiệp rồi nguyện sinh về cõi trời thì thiện nghiệp đó là nghiệp hữu và sinh hữu là tái tục ở cõi trời.

Chấp thủ phước báu cõi trời là nhân, tạo nghiệp hữu để tục sinh về cõi trời là quả.

4. Khi có người chấp thủ vào phước báu lâu dài ở cõi Phạm Thiên nên chuyên tâm thực hành thiện định với ước nguyện được sinh về Phạm Thiên thì thiện nghiệp hành thiện định đó trở thành nghiệp hữu.

Do chấp thủ vào phước lạc lâu dài ở Phạm Thiên sinh nên tạo nghiệp hữu hành thiện định sinh. *Chấp thủ phước lạc ở Phạm Thiên giới là nhân, tạo nghiệp hữu thiện định là quả.*

5. Khi có người chấp thủ vào cõi sống không có sắc thân nên chuyên tâm hành thiện định vô sắc giới và nguyện sinh về cõi Vô Sắc, thì nghiệp hành thiện vô sắc đó trở thành nghiệp hữu.

Do chấp thủ vào cõi Vô Sắc sinh nên tạo nghiệp hữu hành thiện vô sắc sinh. *Chấp thủ vào cõi Vô Sắc là nhân, nghiệp hữu thiện vô sắc là quả.*

Hỏi: Có người chấp thủ tà kiến không có nghiệp và quả của nghiệp nhưng họ vẫn sống tốt, làm việc thiện và giúp đỡ mọi người thì nghiệp hữu sẽ như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ tà kiến không có nghiệp và quả của nghiệp nên khi tạo nghiệp thiện họ không có chánh kiến với nghiệp thiện đó và nó sẽ trở thành nghiệp hữu thiện ly trí và sinh hữu sẽ là chúng sinh vô nhân hoặc nhị nhân.

Do chấp thủ tà kiến sinh nên tạo nghiệp hữu thiện không đi kèm trí tuệ. *Chấp thủ tà kiến là nhân, nghiệp hữu ly trí là quả.*

Hỏi: Một người có niềm tin về nghiệp và quả của nghiệp nhưng họ vẫn tạo ác nghiệp là tại sao?

Đáp: Do sự chấp thủ vào bản ngã còn quá mạnh nên một người dù có tin vào nghiệp và quả của nghiệp nhưng vẫn cố ý tạo ác nghiệp. Ác nghiệp đó là nghiệp hữu bất thiện. Do chấp thủ bản ngã sinh nên tạo nghiệp hữu bất thiện sinh. *Chấp thủ bản ngã là nhân, nghiệp hữu bất thiện là quả.*

Hỏi: Có người lúc còn trẻ thì có tà kiến nên tạo nhiều ác nghiệp, khi lớn tuổi thì lại có chánh kiến nên tạo nhiều thiện nghiệp thì thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp:

Khi chưa có chánh kiến thì chấp thủ tà kiến cho rằng không có nghiệp và quả của nghiệp nên tạo ác nghiệp. *Chấp thủ tà kiến là nhân, tạo ác nghiệp là quả.*

Khi có chánh kiến, tin nghiệp và quả của nghiệp thì chấp thủ vào phước thiện hữu lậu nên tạo thiện nghiệp để được hưởng phước hữu lậu. *Chấp thủ phước thiện hữu lậu là nhân, tạo thiện nghiệp là quả.*

Đến khi chết nghiệp hữu nào mạnh hơn thì sẽ cho quả sinh hữu trước, nghiệp nào yếu thì sẽ cho quả sau.

Hỏi: Một người chuyên tâm thực hành thiền định dẫn đến nhàm chán đối với cuộc sống nhân gian thì thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ vào sự an lạc của thiền định nên một người chuyên tâm thiền định và nhàm chán thế gian

thì nghiệp hữu của vị đó sẽ hưởng về Phạm Thiên giới.

Hỏi: Một người không hành thiện định mà chuyên tu khổ hạnh ép xác với ước muốn sinh về Phạm Thiên giới thì thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ tà kiến khổ hạnh ép xác để sinh về Phạm Thiên giới nên tạo nghiệp hữu tu khổ hạnh, sinh hữu của vị đó sẽ ở những cõi khổ đau. Chấp thủ tà kiến khổ hạnh để sinh về Phạm Thiên giới là nhân, nghiệp hữu tu khổ hạnh ép xác là quả.

Hỏi: Một người chuyên lễ Phật, tụng kinh, ăn chay, giữ giới với ước nguyện chứng đắc niết bàn thì thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ vào con đường đi đến niết bàn là phải lễ Phật, tụng kinh, ăn chay, giữ giới nên vị đó tạo những thiện nghiệp đó thuộc về thiện nghiệp dục giới.

▪ **Nếu tà kiến mạnh thì sinh hữu sẽ là ác thú.**

Tà kiến mạnh là vị đó chấp thủ cho rằng chỉ có lễ Phật, tụng kinh, ăn chay, giữ giới mới có thể chứng đắc Niết Bàn, những con đường khác là sai.

▪ **Nếu chánh kiến mạnh thì sinh hữu sẽ là thiện thú.**

Chánh kiến mạnh là vị đó biết lễ Phật, tụng kinh, ăn chay, giữ giới chỉ là những phước thiện hỗ trợ cho sự chứng đắc Niết Bàn.

→ *Bát Chánh Đạo mới thực sự là con đường đi đến Niết Bàn.*

Hỏi: Một người chuyên niệm Phật A Di Đà với ước

nguyện vãng sinh cực lạc thì thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ vào cõi cực lạc là có thật và con đường đi đến cõi cực lạc là niệm tên vị Phật đang cai quản ở cõi đó, nên vị đó chuyên tâm niệm Phật.

▪ ***Nếu khi niệm Phật, vị đó khởi lên tâm tà kiến mạnh thì sinh hữu sẽ là ác thú.***

Tà kiến mạnh: Là chấp thủ sai lầm cho rằng chỉ có pháp môn niệm Phật mới đi đến giải thoát, các pháp môn khác không bằng.

▪ ***Nếu khi niệm Phật, vị đó có chánh kiến mạnh thì sinh hữu sẽ là thiện thú.***

Chánh kiến mạnh: Là niệm Phật với mục đích để cho tâm được thanh tịnh và hướng thiện mà thôi.

Hỏi: Một người chuyên tâm cầu nguyện với ước mong được sinh về cõi trời để sống ở đó đời đời vĩnh viễn thì thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ quan điểm cho rằng cõi trời là sống vĩnh viễn và muốn sinh về đó thì phải cầu mong vị chúa tể ở đó cho về, nên một người mới chuyên tâm cầu nguyện.

▪ ***Nếu cầu nguyện với tâm tà kiến mạnh thì nghiệp hữu sẽ hướng về cõi khổ.***

Tà kiến mạnh là cho rằng cõi trời thật sự là vĩnh hằng, con đường lên trời nhất định phải là cầu nguyện, các con đường khác là sai.

- **Nếu cầu nguyện với chánh kiến mạnh thì nghiệp hữu sẽ hướng về cõi lành.**

Chánh kiến mạnh thì biết rằng cõi trời cũng chỉ là giả tạm, đường lên trời là tạo những phước thiện với ước muốn sinh Thiên.

Hỏi: Có người tin rằng: Tội lỗi có thể dùng nước để rửa, rửa tội rồi thì sẽ hết tội, nên họ dùng nước thiêng để rửa trôi tội lỗi. Như thế thì thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ tà kiến cho rằng dùng nước thiêng rửa được tội, nên họ cứ tạo tội xong rồi đi rửa, rửa tội xong lại đi tạo tội nữa. Vì vậy tội lỗi càng ngày càng lớn, mỗi lần rửa tội thì tà kiến lại càng tăng thêm, nên nghiệp hữu của họ sẽ là ác nghiệp và sinh hữu sẽ là đọa xứ. *Chấp thủ tà kiến cho rằng dùng nước rửa được tội là nhân, nghiệp hữu bất thiện đi kèm tà kiến cho rằng rửa được tội là quả.*

Hỏi: Có người thực hành hạnh con chó: Ngồi chồm hổm, ăn đồ ăn quăng xuống đất thì thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ tà kiến tin rằng thực hành khổ hạnh sống như chó sẽ được sinh lên trời nên tạo nghiệp hữu hạnh con chó.

- Nếu nghiệp hữu hạnh con chó thành tựu thì sinh hữu là cộng trú với chó.
- Nếu nghiệp hữu hạnh con chó không thành tựu

thì sinh hữu sẽ vào địa ngục.

Chấp thủ giới cấm hạnh con chó là nhân, nghiệp hữu sẽ cộng sinh với chó là quả.

Hỏi: Có người cung kính, lễ bái bò, tôn thờ bò, ăn phân bò, uống nước tiểu bò thì thủ duyên hữu của người đó sẽ như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ tà kiến cho rằng bò là thần linh nên cung kính, tôn thờ bò,... thì nghiệp hữu của người đó sẽ cộng trú với bò hoặc tái sinh địa ngục.

Chấp thủ tà kiến cho rằng bò là thần linh là nhân, nghiệp hữu cộng trú với bò là quả.

Hỏi: Có người tin rằng cuộc sống muốn được may mắn, hạnh phúc thì phải lễ bái cầu xin các đấng linh thiêng ban tài, ban lộc nên vị đó thường đi cầu xin tế lễ ở khắp nơi thì thủ duyên hữu sẽ như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ tà kiến cho rằng có thể cầu xin được phước nên siêng năng tế lễ cầu phước.

▪ ***Nếu tà kiến càng mạnh thì nghiệp hữu bất thiện càng lớn.***

Tà kiến mạnh là cho rằng muốn được phước thì phải lễ bái cầu xin, không cầu xin thì vô phước.

▪ ***Nếu có chánh kiến thì sẽ sinh ra nghiệp hữu thiện.***

Có chánh kiến thì biết rằng lễ bái chỉ là bày tỏ lòng tôn kính các bậc thượng nhân, còn muốn có phước thì phải làm việc thiện để tạo phước.

Hỏi: Có người chuyên tâm bố thí và chỉ phát nguyện chứng đắc Niết Bàn. Thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp: Bố thí là thiện nghiệp thuộc về dục giới, vẫn còn chấp thủ. Niết Bàn là pháp siêu thế, không còn chấp thủ. *Hai pháp này không tương ưng.*

Vì vậy cần phải phát nguyện: Do sự phước thiện bố thí này cầu mong cho con khi nào chuyên tâm tu tập giới – định – tuệ thì sẽ có đầy đủ những vật dụng cần dùng để hỗ trợ cho việc tu tập và chứng ngộ Niết Bàn trong ngày vị lai.

Chấp thủ vào quả của sự bố thí là nhân, nghiệp hữu tu tập để chứng Niết Bàn là quả.

Hỏi: Có người sát hại sinh vật để lấy máu thịt tế lễ quý thần với mong muốn được hưởng phước mạnh khỏe, sống lâu thì thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp: Do chấp thủ tà kiến cho rằng có thần linh ban phước lành nên tạo ác nghiệp sát sinh cúng tế, tạo nghiệp hữu bất thiện thì sinh hữu sẽ là đọa xứ, nếu được làm người thì nhiều bệnh tật và phải chết non.

Chấp thủ tà kiến cho rằng có thần linh ban phước lành nên sát sinh tế lễ là nhân, nghiệp hữu bất thiện hưởng về đọa xứ là quả.

Hỏi: Người có chấp thủ mạnh, người có chấp thủ yếu thì nghiệp hữu sẽ khác nhau như thế nào?

Đáp: Người có chấp thủ mạnh thì nghiệp hữu cũng mạnh, nghiệp hữu mạnh thì kiếp sống tương lai rất

dài, còn ở trong sinh tử rất lâu, rất khó để giải thoát sinh tử. Người có chấp thủ yếu thì nghiệp hữu cũng yếu, nghiệp hữu yếu thì kiếp sống tương lai sẽ ít, việc giải thoát sinh tử dễ dàng hơn.

Hỏi: Tại sao có người có chấp thủ mạnh? Tại sao có người có chấp thủ yếu? Tại sao có người không có chấp thủ?

Đáp: Người có tham ái mạnh thì có chấp thủ mạnh. Người có tham ái yếu thì có chấp thủ yếu. Người không có tham ái hoặc tham ái rất yếu thì sẽ không có chấp thủ.

Hỏi: Một người chuyên tâm thực hành *giới – định – tuệ* dẫn đến nhàm chán 5 uẩn thì thủ duyên hữu như thế nào?

Đáp: Một người có chánh trí sẽ sinh ra nhàm chán 5 uẩn, khi nhàm chán 5 uẩn thì hết chấp thủ vào 5 uẩn. Không còn chấp thủ 5 uẩn thì sẽ hết nghiệp hữu. Hết nghiệp hữu thì sẽ chấm dứt tái sinh.

Hỏi: Trong một kiếp sống một người sẽ có rất nhiều chấp thủ khác nhau nên cũng sinh ra rất nhiều nghiệp hữu khác nhau. Vậy khi chết nghiệp hữu nào sẽ trở thành sinh hữu, những nghiệp hữu còn lại sẽ ra sao?

Đáp: Nghiệp hữu là nhân của sự hiện hữu ở tương lai, nó sẽ cho quả là đi tái sinh về một kiếp sống mới. Chỉ có một nghiệp hữu làm phận sự tục sinh, các nghiệp hữu còn lại sẽ trở thành nghiệp hỗ trợ cho sắc nghiệp và tâm quả hiệp thể trong suốt kiếp sống đó.

10/ HỮU DUYÊN SINH

BHAVAPACCAYĀ JĀTI

Bởi sự sinh của nghiệp hữu nên tái sinh sinh.
Nghiệp hữu là nhân, tái sinh là quả.

- **Nghiệp hữu** là những thiện nghiệp và bất thiện nghiệp đã tích lũy trong quá khứ.
- **Sinh** là tâm tục sinh vào thời điểm bắt đầu của một kiếp sống mới.
- Hữu duyên sinh: Là do có nghiệp hữu nên mới có tái sinh. *Nghiệp hữu là nhân, tái sinh là quả.*
 - Nếu nghiệp hữu là từ 1 trong 8 tâm tham thì sinh sẽ là 1 trong 4 cõi khổ.
 - Nếu nghiệp hữu là từ 1 trong 2 tâm sân thì sinh sẽ là 1 trong 4 cõi khổ.
 - Nếu nghiệp hữu là từ tâm si hoài nghi thì sinh sẽ là 1 trong 4 cõi khổ.
 - Nếu nghiệp hữu là từ 1 trong 8 tâm thiện dục giới thì sinh sẽ là 1 trong 7 cõi thiện Dục Giới.
 - Nếu nghiệp hữu là từ 1 trong 5 tâm thiện sắc giới

thì sinh sẽ là 1 trong 16 cõi Phạm Thiên Sắc Giới.

- Nếu nghiệp hữu là từ 1 trong 4 tâm vô sắc giới thì sinh sẽ là 1 trong 4 cõi Vô Sắc Giới.

Hỏi: Tại sao trong hàng súc sinh: Có loài sinh ra ở dưới nước, có loài bay ở trên hư không, có loài đi trên đất liền? Như vậy là hữu duyên sinh như thế nào?

Đáp: Là vì trong khi tạo nghiệp bất thiện:

- Nếu chúng sinh đó ưa thích với nước thì nghiệp hữu bất thiện đó sẽ trợ duyên cho sinh hữu ở dưới nước.

- Nếu chúng sinh đó ưa thích trên không thì nghiệp hữu bất thiện đó sẽ trợ duyên cho sinh hữu được bay trên không.

- Nếu chúng sinh đó ưa thích trên đất liền thì nghiệp hữu bất thiện đó sẽ trợ duyên cho sinh hữu trên đất liền.

Hỏi: Tại sao lại có những chúng sinh sinh về cõi thiện Dục Giới, cõi thiện Sắc Giới và cõi thiện Vô Sắc Giới?

Đáp: Nếu chúng sinh ưa thích ngũ dục thì khi tạo thiện nghiệp, thiện nghiệp đó sẽ trở thành nghiệp hữu trợ duyên cho tái sinh về cõi Dục Giới.

Nếu chúng sinh nhàm chán ngũ dục, tạo nghiệp hành thiện sắc giới thì thiện định đó sẽ trở thành nghiệp hữu trợ duyên cho tái sinh về cõi Sắc Giới.

Nếu chúng sinh nào nhàm chán sắc thân rồi tạo nghiệp hành thiện vô sắc giới thì thiện định đó sẽ trở thành nghiệp hữu trợ duyên cho tái sinh về cõi Vô Sắc.

11/ SINH DUYÊN GIÀ – CHẾT – SÂU – BI – KHỔ – ƯU – NÃO

JĀTIPACCAYĀ JARĀMARANAṆAṆA SOKA –
PARIDEVA – DUKKHA – DOMANASSUPĀYĀSĀ

*Do có tái sinh nên có già, chết, sâu, bi, khổ, ưu, não.
Tái sinh là nhân, già-chết-sâu-bi-khổ-ưu-não là quả.*

- Jāti (sinh): là sát-na tục sinh, cũng là thời điểm bắt đầu của một kiếp sống. Nó chỉ sinh lên một lần trong một kiếp sống.
- Jarā maraṇa (già – chết): Là danh sắc sinh lên trong suốt kiếp sống đó.
- Sinh: Là sát-na sinh lên;
- Già: Là sát-na an trú;
- Chết: Là sát-na hoại diệt.

Bởi sự sinh của *jāti* sát-na tục sinh nên có *jāra maraṇa* sát-na trụ và diệt của danh sắc. *Jāti tục sinh là nhân, jāra maraṇa già (trụ) – chết (diệt) là quả.*

- Soka (sâu): Bực bội;
- Parideva (bi): Khóc than;
- Dukkha (khổ): Đau đớn;

- Domanassa (ưu): ưu phiền;
- Upāyāsa (não): oán hận.

Sầu – bi – khổ – ưu – não: Là những nỗi thống khổ của thân và của tâm thường diễn ra trong kiếp sống.

- Do có sinh nên có sầu muộn. *Sinh là nhân, sầu là quả.*
- Do có sinh nên có ưu bi than khóc. *Sinh là nhân, bi là quả.*
- Do có sinh nên có đau khổ. *Sinh là nhân, khổ là quả.*
- Do có sinh nên có ưu phiền. *Sinh là nhân, ưu là quả.*
- Do có sinh nên có não hại. *Sinh là nhân, não là quả.*

Hỏi: Các vị chư Thiên và Phạm Thiên từ lúc sinh ra đến khi chết đi luôn có thân hình trẻ đẹp. Vậy sinh duyên già chết như thế nào?

Đáp: Già chết diễn ra trong từng sát-na trên danh và sắc.

- Một sát-na sinh lên = sinh;
- Một sát-na an trú = già;
- Một sát-na tan rã = chết.

Sinh-già-chết cứ liên tục như vậy trong suốt kiếp sống. Vì có sinh nên có già chết. *Sinh là nhân, già chết là quả.*

Hỏi: Ở cõi nhân loại có ai không có sầu – bi – khổ – ưu – não không?

Đáp: Các vị Thánh A La Hán chỉ còn 1 loại thân thọ khổ, còn lại tâm hoàn toàn hết sầu – bi – ưu – não.

12/ SỰ TẬP KHỞI CỦA TOÀN BỘ KHỔ UẨN NÀY

– EVAMETASSA KEVALASSA

DUKKHAKKHANDHASSASAMUDAYO HOTI

12 mắt xích nhân duyên này giống như một sợi dây vô hình đã trói buộc chúng sinh ở trong vòng luân hồi sinh tử.

▪ *Ba thời của 12 nhân duyên:*

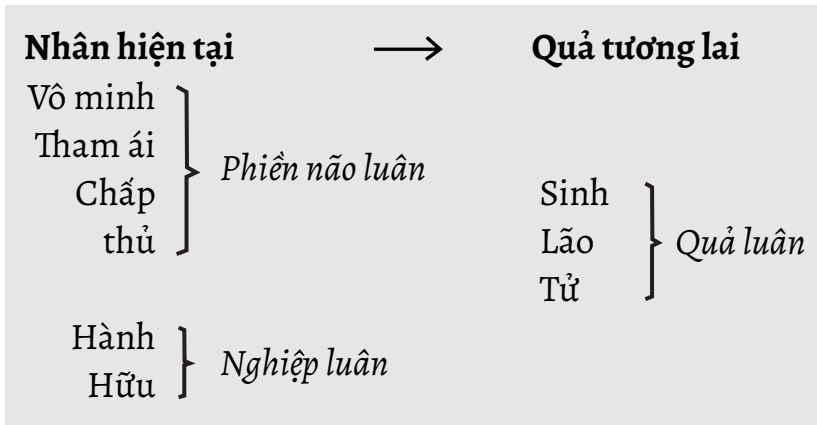
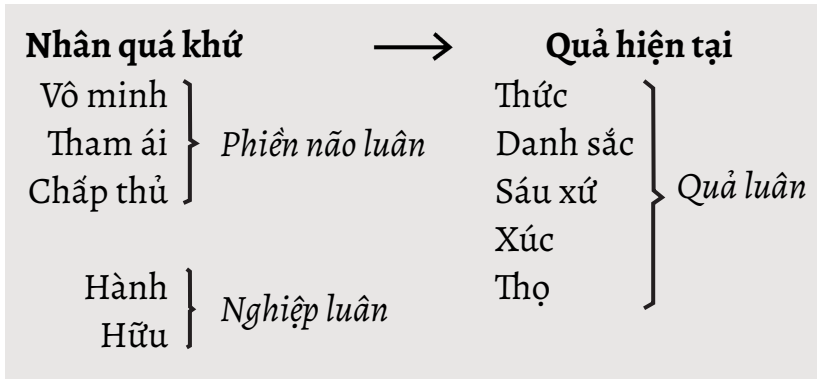
- Quá khứ: 2 (vô minh – hành).
- Hiện tại: 8 (thức – danh sắc – sáu xứ – xúc – thọ – ái – thủ – hữu).
- Tương lai: 2 (sinh – già, chết).

1. Quá khứ: Vì vô minh không biết nỗi khổ đau trong sinh tử, nên tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện = vô minh duyên hành.

2. Hiện tại: Do tạo nghiệp phải đi tái sinh, nên có thức – danh sắc – sáu xứ – xúc – thọ – ái – thủ – hữu.

3. Tương lai: Do nghiệp hữu tạo ở hiện tại, sẽ trở thành sinh hữu tái sinh ở tương lai nên có sinh và lão, tử.

▪ *3 Luân: Phiền não luân – Nghiệp luân – Quả luân.*



1. Phiền não luân: Là những tư tưởng sai trái, cuốn hút chúng sinh xoay chuyển trong vòng luân hồi sinh tử. Đó là những tâm tham – tà kiến.

- Vô minh
 - Ái
 - Thủ
- } *Tà kiến*

2. Nghiệp luân: Là những hành động tạo nghiệp, làm

nguyên nhân cho những kiếp tái sinh về sau:

- Nếu hành động đi kèm với tâm bất thiện thì nó là nghiệp bất thiện, là nguyên nhân sẽ khiến chúng sinh tục sinh về cõi khổ.

- Nếu hành động đi kèm với tâm thiện thì nó là nghiệp thiện, là nguyên nhân sẽ khiến chúng sinh tục sinh về cõi an vui.

3. Quả luân: Là kết quả của nghiệp hữu, cho quả tái sinh về kiếp sống mới.

- Thức: Tâm tục sinh;
- Danh sắc: Thân – tâm;
- Sáu xứ: Mắt – tai – mũi – lưỡi – thân – ý;
- Xúc: 6 căn tiếp xúc với 6 trần;
- Thọ: Cảm thọ thọ vui, buồn, khổ, lạc, xả;
- Sinh: Sinh ra;
- Lão tử: Già và chết.

■ **20 thể của 12 nhân duyên**

- 5 nhân quá khứ là: Vô minh, hành, ái, thủ, hữu.
- 5 quả hiện tại: Thức, danh sắc, sáu xứ, xúc, thọ.
- 5 nhân hiện tại: Ái, thủ, hữu, vô minh, hành.
- 5 quả tương lai: Thức, danh sắc, sáu xứ, xúc, thọ.

■ **Ba mối nối của 12 nhân duyên:**

- Hành duyên thức: Là nối giữa nhân quá khứ với quả hiện tại;
- Thọ duyên ái: Là nối giữa quả hiện tại và nhân vị lai;

- Hữu duyên sinh: Là nối giữa nhân hiện tại và quả vị lai.

- **Hai căn gốc của 12 nhân duyên:**

- Vô minh là căn gốc của: Hành – thức – danh sắc – sáu xứ – xúc – thọ.

(Nhân quá khứ – quả hiện tại)

- Ái là căn gốc của: Thủ – hữu – sinh – lão tử.

(Nhân hiện tại – quả vị lai)

Hỏi: Những chi nào là nhân sinh ra khổ?

Đáp: Vô minh: Tham ái – chấp thủ – hành – hữu là nhân sinh ra khổ.

Hỏi: Những chi nào là quả của khổ?

Đáp: Thức – danh sắc – sáu xứ – xúc – thọ – sinh – già chết là quả của khổ.

Hỏi: Tại sao thọ duyên ái lại là pháp của 12 nhân duyên?

Đáp: Vì khi 6 căn tiếp xúc với 6 trần do không thấy được tính sinh diệt của các pháp nên sinh ra cảm thọ vui, buồn (thọ sinh). Từ cảm thọ vui, buồn sinh ra tình cảm yêu, ghét (ái sinh). Từ yêu, ghét sinh ra dính mắc. Từ dính mắc để lại nghiệp hữu và đi tái tục.

Cứ như vậy các pháp duyên khởi vận hành từ kiếp sống này sang kiếp sống khác. Thọ duyên ái là pháp của 12 nhân duyên.

Hỏi: Tại sao thọ diệt - ái diệt lại là lối ra của 12 nhân

duyên?

Đáp: Vì khi 6 căn tiếp xúc với 6 trần đi kèm với trí tuệ thấy được sự sinh diệt của các pháp nên không sinh ra cảm thọ vui, buồn (thọ diệt). Vì không vui, buồn nên không yêu ghét (ái diệt). Vì không yêu ghét nên không dính mắc. Không dính mắc thì không có nghiệp hữu nên vòng luân hồi được trừ diệt.

Nên thọ diệt – ái diệt là lối ra của 12 nhân duyên.

Hỏi: Cái gì là nhân của vô minh?

Đáp:

- Dục lậu: Dính mắc với cảnh dục: Sắc – thanh – hương – vị – xúc.
- Hữu lậu: Dính mắc vào đời sống ở các cõi;
- Tà kiến lậu: Thấy và biết sai với sự thật.
- Vô minh lậu: Không biết và không thấy sự thật.

Đó là nhân của vô minh.

Hỏi: Thế nào là dính mắc với cảnh dục?

Đáp: Khi có sự tổn hại đến tài sản hoặc thân quyến thì sẽ sinh ra sầu, bi, ưu, não. Đó là sự dính mắc với cảnh dục.

Hỏi: Thế nào là dính mắc với cảnh hữu lậu?

Đáp: Một vị Phạm Thiên sống trong cõi thiên đến khi gần chết cũng sinh tâm sợ hãi sầu, bi, ưu, não. Đó là dính mắc do hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là dính mắc do tà kiến lậu?

Đáp: Là sự hiểu sai về 5 uẩn cho rằng 5 uẩn này là thường, lạc, ngã, tịnh nên khi có sự biến dị, đổi khác với thân tâm thì sinh ra sầu, bi, ưu, não. Đó là dính mắc do tà kiến lậu.

Hỏi: Thế nào là dính mắc do vô minh lậu?

Đáp: Do không biết thân tâm này vốn là vô thường, khổ, vô ngã nên khi sự vô thường, khổ, vô ngã đến thì sinh tâm sầu, bi, ưu, não. Đó là dính mắc do vô minh lậu.

**Hỏi: “Yadā have pātubhavati dhammā;
ātāpino jhāyato brāmaṇassa;
athassa kaṅkhā vapayanti sabbā;
yato pajānāti sahetudhammaṃ”**

*“Thật sự, khi các pháp, có mặt, hiện khởi lên
Cho vị Bà la môn, nhiệt tâm hành thiền định
Khi ấy, với vị ấy, các nghi hoặc tiêu trừ
Vì biết rõ hoàn toàn, pháp cùng với các nhân.”*

Bài kệ này có ý nghĩa gì?

Đáp: Các pháp ở đây là các pháp chân đế của 12 chi phần duyên khởi. Các pháp ấy chỉ thực sự rõ ràng với những ai đã tu tập chứng đắc được thiền định. Ví dụ:

▪ **Avijjā – vô minh, là nhóm tâm tham tà kiến có đầy đủ 22 hoặc 20 hoặc 19 danh pháp.**

- 1 thức;
- 7 sở hữu biến hành: Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý;

- 6 sở hữu biệt cảnh: Tâm, tứ, thắng giải, cần, hỷ (có khi có, có khi không), dục;
- 4 biến hành bất thiện: Si, vô tâm, vô quý, phóng dật.
- 1 tham;
- 1 tà kiến;
- 2 hôn phần: Hôn trầm, thụy miên (có khi có, có khi không).

Tổng Cộng: 22 danh pháp.

▪ **Nếu là hành thiện thì có đầy đủ là 34 danh pháp:**

- 1 thức;
- 7 sở hữu biến hành;
- 6 sở hữu biệt cảnh;
- 19 sở hữu tịnh hảo: Tín, niệm, tâm, quý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm.
- 1 sở hữu trí tuệ: Tuệ quyền (có hoặc không).

Tổng Cộng: 34 danh pháp.

Avijjā paccaya saṅkhāra.

Đối với các chi còn lại cũng như thế. Các pháp ấy chỉ thực sự rõ ràng với những ai đã phát triển được thiền định.

*Thật sự, khi các pháp, có mặt, hiện khởi lên;
cho vị Bà la môn, nhiệt tâm hành thiền định.*

Vì đã tuệ tri được các pháp sinh lên là bởi có đầy đủ

nhân duyên nên vị ấy dứt được nghi ngờ về nghiệp và quả của nghiệp. Ví dụ, vị ấy biết rõ:

- Già chết là có nhân từ sinh.
- Sinh có nhân từ nghiệp hữu.
- Nghiệp hữu có nhân từ thủ, chấp thủ có nhân từ ái.
- Tham ái có nhân từ thọ, cảm thọ có nhân từ xúc.
- Xúc có nhân từ 6 xứ, 6 xứ có nhân từ danh sắc,
- Danh sắc có nhân từ thức, thức có nhân từ hành,
- Hành có nhân từ vô minh.

Vô minh – hành – thức – danh sắc – sáu xứ – xúc – thọ – ái – thủ – hữu – sinh – già chết.

*Khi ấy, với vị ấy, các nghi hoặc tiêu trừ
Vì biết rõ hoàn toàn, pháp cùng với các nhân.*

DUYÊN DIỆT

“Iti imasmim asati idam na – hoti, imassa norodhā idam nirujjhati”

Do cái này không có, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt.

Hỏi: Câu này có ý nghĩa gì?

Đáp: *Cái này* là chỉ cho nhân. *Cái kia* là chỉ cho quả. Bởi vậy: Nếu cái nhân không có thì cái quả sẽ không hiện hữu, nếu cái nhân diệt thì cái quả cũng diệt.

Hỏi: *Yadidam – avijjānirodhā saṅkhāranirodho.*

Tức là do vô minh diệt nên hành diệt.

Thế nào là vô minh diệt? Thế nào là hành diệt? Vô minh diệt nên hành diệt là như thế nào?

Đáp: Vô minh giống như bóng tối: Bóng tối sẽ biến mất chỉ khi nào có ánh sáng xuất hiện. Ánh sáng như trí tuệ: Trí tuệ xuất hiện thì vô minh sẽ được diệt trừ. Vô minh là không biết và không thấy sự thật tối hậu, tức là các pháp chân đế. Trí tuệ là biết và thấy sự thật tối hậu, tức là các pháp chân đế.

▪ **Hành là các tâm tạo nghiệp:**

- Khi tâm thiện thì tạo nghiệp thiện;

- Khi tâm bất thiện thì tạo nghiệp bất thiện.

Hành diệt là khi nào hành trở thành duy tác không để lại nghiệp hữu dẫn đến tái sinh ở tương lai nữa.

▪ ***Vô minh diệt đồng nghĩa với trí tuệ sinh. Có trí tuệ thì sẽ thấy được:***

- Các tiến trình tâm của vô minh là tham, tà kiến.
- Các tiến trình tâm của hành là: Hành thiện thì đi kèm với các tiến trình tâm thiện, hành bất thiện thì đi kèm với các tiến trình tâm bất thiện.

▪ ***Do vô minh sinh nên hành sinh; do vô minh diệt thì hành diệt.***

- Vô minh sinh diệt: Vô thường – khổ – vô ngã.
- Hành sinh diệt: Vô thường – khổ – vô ngã.

Do vô minh nên mới chấp thủ vào các hành động. Do chấp thủ nên mới tạo nghiệp phải đi luân hồi tái sinh.

Vì vậy, khi vô minh diệt thì sẽ tuệ tri:

- Hành không phải là ta;
- Hành không phải của ta;
- Hành không phải là tự ngã của ta.

Khi nào không còn chấp thủ vào các hành thì các hành trở thành duy tác, không để lại nghiệp hữu, không cho quả tái sinh ở tương lai.

Avijjānirodhā saṅkhāranirodho.

Do vô minh diệt nên hành diệt.

Hỏi: “Saṅkhāranirodha viññāṇanirodho”.

Do hành diệt, nên thức diệt.

Thế nào là hành diệt, nên thức diệt?

Đáp:

- Do tham tà kiến chấp thủ hành là thường, lạc, ngã, tịnh; chấp thủ hành nên hành sinh.

- Do chánh kiến tuệ tri hành là vô thường, khổ, vô ngã nên không còn chấp thủ hành nữa thì hành diệt. Hành diệt là không để lại nghiệp quả nên không có thức quả ở tương lai.

Vì vậy: Do hành diệt, nên thức diệt.
“Saṅkhāra – nirodha viññāṇanirodho”.

Hỏi: “Viññāṇanirodhā nāmarūpanirodho”.

Do thức diệt, nên danh sắc diệt.

Thế nào là thức diệt, nên danh sắc diệt?

Đáp: Có 2 thức: Thức nghiệp và thức quả.

- Thức nghiệp ở quá khứ sinh ra danh là tâm quả và các sắc do nghiệp sinh.

- Thức quả ở hiện tại sinh ra tâm sở và sắc do tâm sinh.

Thức nghiệp thiện thì sinh ra danh sắc cao thượng; thức nghiệp bất thiện thì sinh ra danh sắc hạ liệt.

Do vô minh, nên tham ái-chấp thủ: *Thức là ta – của ta – tự ngã của ta*, nên thức sinh. Thức sinh thì danh sắc cũng sinh.

Do tuệ tri thức là vô thường – khổ – vô ngã, nên không tham ái-chấp thủ thức thì thức diệt đi. Do thức diệt,

thì danh sắc cũng diệt.

Viññāṇanirodhā nāmarūpanirodho.

Hỏi: Nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho.

Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt.

Thế nào là danh sắc diệt nên sáu xứ diệt?

Đáp:

- Danh là các tâm sở.
- Sắc là các sắc thân kinh ở sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.
- Sáu xứ là các tâm thức sinh khởi ở sáu căn.

Do vô minh, tham ái-chấp thủ vào danh sắc: Danh sắc là ta, danh sắc là của ta, danh sắc là tự ngã của ta, nên danh sắc sinh. Danh sắc sinh, thì sáu xứ sinh.

Do tuệ tri danh sắc luôn luôn sinh diệt nên thấy ra: Danh sắc là vô thường, danh sắc là khổ, danh sắc là vô ngã. Vì dứt trừ tham ái-chấp thủ vào danh sắc, nên danh sắc diệt. Danh sắc diệt, thì sáu xứ cũng diệt.

Nāmarūpanirodhā – saḷāyatananirodho.

Hỏi: Saḷāyatananirodhā phassanirodho.

Do sáu xứ diệt nên xúc diệt.

Thế nào là sáu xứ diệt nên xúc diệt?

Đáp: Sáu xứ là:

- Sáu nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.
- Sáu ngoại xứ: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Do vô minh, tham ái-chấp thủ vào nội xứ và ngoại xứ cho rằng: Sáu xứ là ta, sáu xứ là của ta, sáu xứ là tự ngã

của ta, nên sáu xứ sinh, sáu xứ sinh thì xúc sinh.

▪ **Ví dụ: Mắt hướng đến cảnh sắc nên sinh ra xúc.**

Do tuệ tri được sáu xứ luôn luôn sinh diệt nên thấy ra: Sáu xứ là vô thường, sáu xứ là khổ, sáu xứ là vô ngã, nên đoạn trừ tham ái-chấp thủ với sáu xứ, bởi vậy mà sáu xứ diệt. Sáu xứ diệt thì xúc diệt.

▪ **Ví dụ: Mắt nhàm chám với cảnh sắc, không truy tìm sắc nữa thì không có cơ hội cho xúc sinh lên.**

Vì vậy: *Salāyatanaṇirodhā phassanīrodho.*

Hỏi: Phassanīrodhā vedanāṇirodho.

Xúc diệt nên thọ diệt.

Thế nào là xúc diệt nên thọ diệt?

Đáp: Do vô minh, tham ái-chấp thủ với cảnh trần: Cảnh trần là ta, cảnh trần của ta, cảnh trần là tự ngã của ta. Vì thế sáu căn thường tâm cầu sáu trần, nên sinh ra xúc. Do tiếp xúc với cảnh trần nên cảm thọ: Vui, buồn, khổ, lạc, xả sinh.

Do tuệ tri sáu trần luôn luôn sinh diệt: Cảnh trần là vô thường, cảnh trần là khổ, cảnh trần là vô ngã, nên đoạn trừ tham ái-chấp thủ, không muốn tiếp xúc với cảnh trần nên xúc diệt. Do xúc diệt nên cảm thọ diệt.

Phassanīrodhā vedanāṇirodho.

Hỏi: Vedanāṇirodhā taṇhāṇirodho.

Thọ diệt, nên ái diệt.

Thế nào là thọ diệt, nên ái diệt?

Đáp: Do sáu căn tiếp xúc với sáu trần nên sinh ra cảm thọ.

Do vô minh, tham ái-chấp thủ với cảm thọ: Cảm thọ là ta, cảm thọ là của ta, cảm thọ là tự ngã của ta, nên thọ sinh. Thọ sinh thì tham ái cũng sinh.

Do tuệ tri cảm thọ luôn sinh diệt, nên thấy ra thọ là vô thường, thọ là khổ, thọ là vô ngã. Vì thế đoạn trừ được tham ái-chấp thủ thọ, nên thọ diệt. Thọ diệt thì tham ái diệt.

Vedanānirodhā taṇhānirodho.

Hỏi: “Taṇhānirodhā upādānanirodho.

Ái diệt, nên thủ diệt.

Thế nào là ái diệt nên thủ diệt?

Đáp: Do sáu căn tiếp xúc với sáu trần, nên sinh ra cảm thọ, từ cảm thọ sinh ra tham ái đó là: Ái sắc, ái thanh, ái hương, ái vị, ái xúc, ái pháp.

Do vô minh, tham ái-chấp thủ cho rằng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là ta, là của ta, là tự ngã của ta, nên tham ái càng mạnh hơn trở thành chấp thủ.

Do tuệ tri được *sắc - thanh - hương - vị - xúc - pháp* luôn luôn sinh diệt nên thấy ra: Nó là vô thường, nó là khổ, nó là vô ngã. Vì thế mà đoạn trừ được ái. Do ái diệt nên chấp thủ cũng diệt.

Taṇhānirodhā upādānanirodho.

Hỏi: Upādānanirodhā bhavanirodho.

Thủ diệt, thì hữu diệt.

Thế nào là thủ diệt thì hữu diệt?

Đáp: Do vô minh, tham ái với cảnh trần, nên sinh ra các loại chấp thủ: Dục thủ, tà kiến thủ, giới cấm thủ, ngã chấp thủ.

Do chấp thủ cảnh trần nên các hành động tạo nghiệp thiện hoặc bất thiện sẽ trở thành nhân của sự tái sinh cho kiếp tương lai được gọi là nghiệp hữu.

Do tuệ tri được sự vô thường - khổ - vô ngã của căn - trần - thức nên tham ái-chấp thủ được trừ diệt. Do chấp thủ diệt, nên nghiệp hữu cũng diệt.

Upādānanirodhā bhavanirodho.

Hỏi: Bhavanirodhā jātinirodho.

Hữu diệt, nên sinh diệt.

Thế nào là hữu diệt nên sinh diệt?

Đáp: Do vô minh, tham ái-chấp thủ vào ngoại cảnh nên các hành nghiệp trở thành nghiệp hữu. Do có nghiệp hữu, nên có sự tái sinh cho kiếp sống mới.

Do tuệ tri được sự sinh diệt trên các cảnh, nên đoạn trừ được tham ái-chấp thủ. Do không chấp thủ, nên nghiệp hữu được diệt trừ. Do hữu diệt trừ nên tái sinh cũng diệt trừ.

Bhavanirodhā jātinirodho.

Hỏi: Jātinirodhā jarāmaṇam

sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā.

Do sinh diệt, nên lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt.

Thế nào là sinh diệt nên lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt?

Đáp: Do vô minh, tham ái-chấp thủ đối với nội xứ và ngoại xứ nên tạo nghiệp; do có nghiệp hữu, nên có tái sinh; do tái sinh, nên có *già, chết và sầu, bi, khổ, ưu, não*. Do tuệ tri được sự sinh diệt của nội xứ và ngoại xứ, nên vô minh, tham ái-chấp thủ, hành, nghiệp được diệt trừ, nên tái sinh cũng diệt trừ. Do tái sinh diệt, nên *già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não* diệt.

Hỏi: “*Yadā have pātubhavanti dhammā;
ātāpino jhāyato brāmaṇassa;
athassa kaṅkhā vapayanti sabbā;
yato khayam paccayānaṃ avedi*”

*“Thật sự khi các pháp, có mặt, hiện khởi lên,
Cho vị Bà la môn, nhiệt tâm hành thiền định,
Khi ấy, với vị ấy, các nghi hoặc tiêu trừ,
Vì đã biết hoàn toàn, sự chấm dứt các duyên.”*

Bài kệ này có ý nghĩa gì?

Đáp: Do nhiệt tâm thực hành và chứng đắc thiền định, nên một hành giả sẽ tuệ tri được các pháp chân đế, cũng như các nhân sinh ra nó một cách rõ ràng. Vì biết rõ con đường đưa đến chấm dứt các duyên, nên đối với vị ấy, các nghi hoặc về sự sinh khởi và đoạn diệt của các pháp được tiêu trừ.

Do cái này có, cái kia có;

Cái này sinh, cái kia sinh;

Cái này không có, cái kia không hiện hữu;

Cái này diệt, cái kia diệt.

Tức là: Duyên vô minh, có hành, duyên hành, có thức, duyên thức, có danh sắc, duyên danh sắc, có sáu xứ, duyên sáu xứ, có xúc, duyên xúc, có thọ, duyên thọ, có ái, duyên ái, có thủ, duyên thủ, có hữu, duyên hữu, có sinh, duyên sinh, có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Nhờ đoạn diệt, viễn ly mọi dục tham: Do vô minh diệt, nên hành diệt, do hành diệt, nên thức diệt, do thức diệt, nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt, nên sáu xứ diệt, do sáu xứ diệt, nên xúc diệt, do xúc diệt, nên thọ diệt, do thọ diệt, nên ái diệt, do ái diệt, nên thủ diệt, do thủ diệt, nên hữu diệt, do hữu diệt, nên sinh diệt, do sinh diệt, nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt.

*“Thật sự khi các pháp, có mặt, hiện khởi lên,
cho vị Bà la môn, nhiệt tâm hành thiền định,
quét sạch các ma quân, vị ấy đứng an trú,
như ánh sáng mặt trời, chói sáng khắp hư không”.*

Hỏi: Quét sạch ma quân là có ý nghĩa gì?

Đáp: Là các phiền não ma: Vô minh, tham ái-chấp thủ, hành, hữu, sầu, bi, khổ, ưu, não...

- Ngũ ấm ma: Sắc – thọ – tưởng – hành – thức.
- Tử ma: Già chết;

Do diệt trừ được các nguyên nhân của khổ đau, nên giải thoát khỏi những ma quân phiền não của sinh, già, bệnh, chết. Đến đây *mắt xích của sinh tử được cắt đứt, bánh xe luân hồi sẽ dừng lại hoàn toàn.*

PHÁP DUYÊN SINH

Tác giả: Sư Thanh Minh

Trụ trì chùa Phúc Minh

*Địa chỉ: Thôn La Nguyễn, xã Minh Quang,
huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 37822845

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: Ths. Nguyễn Hữu Có

Chịu trách nhiệm nội dung:

Q. Tổng biên tập: Lê Hồng Sơn

Biên tập: Vũ Văn Hiếu

Đơn vị liên kết: Ông Nguyễn Vương Anh,

*663 Lý Thái Tổ, phường Quang Trung,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.*

Số lượng in: 1000 bản, Kích: 13 x 21 cm

In tại: Công ty TNHH In Thành Trung,

*Số 7/ lô 7, Đô thị 1, phường Trần Hưng Đạo,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.*

Số ĐKXB: 4435-2021/CXBIPH/04-115/TG

Mã ISBN: 978-604-61-8105-7

QĐXB: 525/QĐ-NXBTG ngày 06 tháng 12 năm 2021

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2021